

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG:

Đại tá, Ths.Trần Thị Bích Huệ

BIÊN TẬP:

Thiếu tá, Ths.Trần Nữ Quế Phương (chủ biên)

Thiếu tá CN, Cử nhân Nguyễn Thị Thu Hà

CHẾ BẢN VÀ SỬA BẢN IN:

Trung úy CN Vũ Thị Hải Hà

TRÌNH BÀY:

Đại úy CN Trần Mạnh Hà

MỞ ĐẦU

Ngày 6-1-1946, lần đầu tiên trong lịch sử nước nhà, cuộc Tổng tuyển cử đã được tiến hành theo chế độ phổ thông đầu phiếu, bình đẳng và bỏ phiếu kín, để lựa chọn và bầu ra Quốc hội. Thành công của cuộc Tổng tuyển cử này đã đánh dấu sự khai sinh Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 70 năm qua, với vai trò là cơ quan đại diện dân cử cao nhất và là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất thông qua ba chức năng cơ bản: chức năng lập hiến và lập pháp; chức năng quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; chức năng giám sát tối cao.

Nhân dịp kỷ niệm 70 năm Ngày Tổng tuyển cử đầu tiên bầu ra Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (6/1/1946 - 6/1/2016), Thư viện Quân đội biên soạn Thư mục chuyên đề **“70 năm Quốc hội Việt Nam (1946 – 2016)”** nhằm cung cấp những thông tin cơ bản về Quốc hội Việt Nam và giới thiệu với bạn đọc một số tài liệu cơ bản về Quốc hội Việt Nam mà Thư viện Quân đội hiện đang lưu trữ.

Thư mục gồm 2 phần:

Phần thứ nhất: Tư liệu tuyên truyền về Quốc hội Việt Nam

Phần thứ hai: Danh mục tài liệu về Quốc hội Việt Nam

Tuy nhiên, do công tác lưu trữ, sưu tầm còn hạn chế, thời gian biên soạn hạn hẹp, nên còn một số tài liệu chưa được giới thiệu trong thư mục này, cũng như không thể tránh khỏi những sai sót, hạn chế nhất định trong quá trình biên soạn.

Xin trân trọng giới thiệu cùng các đồng chí và rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, bổ sung của các đồng chí.

Mọi ý kiến xin gửi về:

Phòng Thông tin - Thư mục - Máy tính

Thư viện Quân đội

83 Lý Nam Đế - Hà Nội.

Điện thoại: (069)554556

Fax: (04)38235130

Email: thuvienquandoi@gmail.com

PHẦN 1: TƯ LIỆU TUYÊN TRUYỀN VỀ QUỐC HỘI VIỆT NAM

I. CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI QUỐC HỘI VIỆT NAM

*** Hồ Chí Minh với những hoạt động hình thành nhà nước pháp quyền và Quốc hội Việt Nam: từ ý tưởng đến hiện thực.**

Cơ sở pháp lý cho một Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân có mầm mống ngay từ những ngày đầu Nguyễn Ái Quốc hoạt động cách mạng ở nước ngoài. Vào ngày 18-1-1919 tại Hội nghị ở Véc-xây (Pháp) các nước đế quốc tham gia chiến tranh thế giới lần thứ nhất họp nhằm chia lại thị trường thế giới cho các nước thắng trận (Mỹ, Anh, Pháp), nhân danh nhóm người yêu nước Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã gửi đến Hội nghị bản “Yêu sách của nhân dân An Nam”. Trong đó, Người yêu cầu rất rõ một số điểm mang tính pháp lý như: “Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những đảm bảo về mặt pháp luật như người Âu; xóa bỏ hoàn toàn các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam”. Cũng trong thời gian này, Nguyễn Ái Quốc đã công bố tác phẩm “Việt Nam yêu cầu ca”, trong đó Người đưa ra bản yêu sách 08 điều, nêu lên những nhu cầu bức xúc của nhân dân An Nam lúc bấy giờ. Điều thứ 07 nêu rõ “Bảy xin Hiến pháp ban hành/Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”. Câu ca nói trên thể hiện tư tưởng hiện đại sau này: Nhà nước pháp quyền. Ở đây pháp quyền được nâng lên tới mức như “thần thánh” để chỉ đạo “trăm điều” của cuộc sống của người dân một nước độc lập.

Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc cho xuất bản ở Pa-ri cuốn “Bản án chế độ thực dân Pháp”, tố cáo những tội ác tày trời của những nhà cầm quyền ở xứ Đông Dương. Toàn bộ tác phẩm này phản bác lại những ý tưởng cao cả được nêu trong “Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền” của Đại cách mạng Pháp năm 1789 làm nền tảng cho bản Hiến pháp 1791 của Cộng hòa Pháp, mà nhân loại coi là mẫu mực với những nguyên tắc cao cả “Tự do, Bình đẳng, Bác ái”. Nguyễn Ái Quốc đã phanh phui kiểu pháp quyền - pháp trị thực dân vô pháp vô thiên với nhận thức đúng đắn về dân chủ.

Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc trở về Hồng Kông, chủ trì thống nhất 3 tổ chức đảng trong nước để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong Chánh cương vắn tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc thảo đã nêu “Làm tư bản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”; “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến”; “Dựng ra Chính phủ công nông binh. Ngày 10-5-1941, sau một thời gian về nước, Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8. Hội nghị đã nhất trí với đề xuất của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này, nếu không giải quyết vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia, dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi được”. Ngày 19-5-1941, Mặt trận Việt Minh được thành lập, tuyên bố đánh đuổi Nhật, Pháp, xây dựng một nước Việt Nam độc lập và tự do, thành lập Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Như vậy, từ Chánh cương vắn tắt của Đảng đề ra năm 1930 và Chương trình của Mặt trận Việt Minh năm 1941 đã có sự tiến triển lớn trong tư tưởng xây dựng Nhà nước. Trong

quan niệm của mình về một chế độ nhà nước và pháp quyền dân chủ thích hợp với đất nước và con người Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã đề ra tư tưởng xây dựng chính quyền “công nông binh” của “dân chúng số nhiều” thời kỳ trước đã được Hồ Chí Minh chuyển thành quan điểm chính quyền của toàn dân. Điều này thể hiện trong bức thư “Kính các đồng bào” (ngày 6-6-1941) khi thành lập Mặt trận Việt Minh: “Muốn đánh đổ Pháp Nhật, ta chỉ cần một điều: Toàn dân đoàn kết”; “Đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp, Nhật”. Trong phiên họp đầu tiên của Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Ngày 2-3-1946) Bác Hồ kêu gọi: “Đại đoàn kết để kháng chiến và kiến quốc”. Tư tưởng xây dựng Nhà nước pháp quyền của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày càng được định hình rõ nét, nhất là từ sau khi Người vượt biên giới Việt - Trung về nước năm 1941. Sau khi về nước một thời gian và nhất là sau khi Mặt trận Việt Minh được thành lập (19-5-1941), Chủ tịch Hồ Chí Minh dứt khoát định hướng cho chính thể Nhà nước, dân tộc Việt Nam là thể chế cộng hòa dân chủ.

Sau này, cùng với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chuẩn bị và tổ chức nhân dân tiến hành khởi nghĩa từng phần tiến tới Tổng khởi nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp chỉ đạo xây dựng từng bước “chính quyền nhân dân”. Đó là chính quyền của toàn dân, dựa vào các lực lượng đoàn kết chiến đấu của Mặt trận Việt Minh để từng bước giành chính quyền về tay phát xít Nhật.

Với tất cả những gì mà Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh chuẩn bị trong suốt 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước và những cụ thể hóa vào cách mạng nước nhà từ khi Bác Hồ về nước đã làm cơ sở vững chắc cho chính thể của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Quốc dân Đại hội Tân Trào là một bước hiện thực hóa chính thể này trước khi Cách mạng tháng Tám thành công với bản Tuyên ngôn độc lập lịch sử “khai sinh” ra Nhà nước kiểu mới - Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Quốc dân Đại hội Tân Trào có ý nghĩa là một Quốc hội lâm thời, hay một tiền Quốc hội bởi vì cách mạng chưa thành công. Quốc dân Đại hội Tân Trào là đại hội tạo căn cứ pháp lý cho sự ra đời chế độ cộng hòa dân chủ của nước ta, cho một Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khi cách mạng chưa thành công. Đại hội Tân Trào đã thông qua Chương trình 10 điểm, như một Hiến pháp lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Chính phủ lâm thời do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch đã có tư cách pháp nhân, là người đại diện hợp pháp và chân chính duy nhất của nước Việt Nam đứng ra lãnh đạo, quản lý đất nước, giao thiệp với quân Đồng Minh trong việc giải giáp quân Nhật và có đối sách thích hợp với các đảng phái khác. Rõ ràng nội dung và cách làm của Đại hội chứa đựng nội dung, hình thức của một tiền Quốc hội, tạo cơ sở pháp lý cách mạng đầu tiên cho sự ra đời một chế độ mới ở nước ta: Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nó bắt nguồn từ tư tưởng dân quyền, pháp quyền của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong quá trình tìm đường cứu nước từ những năm đầu thế kỷ XX.

Bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước ta năm 1946 do Ủy ban dự thảo ra và đã được Quốc hội thông qua mang tinh thần dân chủ nhân dân rất đầy đủ và cho đến nay vẫn là mẫu mực. Cơ sở pháp lý của bản Hiến pháp này chính là ý tưởng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh từ những ngày Người bôn ba khắp thế giới để tìm đường cứu nước để hiện thực hóa một bước trong Quốc dân Đại hội Tân Trào lịch sử - tiền đề để từng bước xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân hiện nay.

Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Một ngày sau, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ ngày 3/9/1945, Chính phủ đã thảo luận và tán thành 6 vấn đề cấp bách do Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra, trong đó có vấn đề: “Tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển với chế độ phổ thông đầu phiếu, soạn thảo Hiến pháp dân chủ”. Cùng ngày, Người ký Sắc lệnh số 14 quyết định tổ chức Tổng tuyển cử trong cả nước. Đây là ý nguyện mà Người đã trăn trở từ lâu là “Làm thế nào để quyền lực của Nhà nước đích thực thuộc về nhân dân”.

Ngày 26/9/1945 - Người ký Sắc lệnh số 39 về việc thành lập Ủy ban dự thảo thể lệ Tổng tuyển cử trong toàn quốc.

17/10/1945 Người ký Sắc lệnh số 51 quy định thể lệ Tổng tuyển cử.

16/11/1945 Người nêu vấn đề dân chủ bầu cử, ứng cử trong phiên họp Hội đồng Chính phủ và đề nghị hoãn ngày Tổng tuyển cử đến ngày 6/1/1946 để chuẩn bị cho chu đáo.

*** Trích dẫn lời phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh về viết về Quốc hội Việt Nam.**

“... Quốc hội ta là Quốc hội của toàn dân, được bầu ra theo luật tuyển cử rất dân chủ: tự do, phổ thông, bỏ phiếu kín, mặc dầu hoàn cảnh nước ta lúc đó cách mạng mới thành công, nạn ngoại xâm đang đe dọa. Vì vậy, Quốc hội ta là biểu hiện cho tinh thần đoàn kết của toàn dân, cho chí khí quật cường của dân tộc, cho quyết tâm độc lập, thống nhất của toàn thể đồng bào ta từ Bắc đến Nam...”.

“... Khóa Quốc hội này là khóa Quốc hội phát triển dân chủ của Nhà nước, dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ thù của nhân dân... Mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường chuyên chính để làm cho chính quyền ta ngày càng thật sự là chính quyền của nhân dân, phục vụ nhân dân, chống lại kẻ thù của nhân dân.

Khóa Quốc hội này là khóa Quốc hội đoàn kết. Ở đây, có đại biểu của tất cả các giai cấp yêu nước, của tất cả các dân tộc anh em, các tôn giáo, các đảng phái, của đồng bào Bắc, Trung, Nam. Tất cả chúng ta đều phải tăng cường đoàn kết... Quốc hội đoàn kết nhất trí, toàn dân đoàn kết nhất trí, thì khó khăn nào chúng ta cũng khắc phục được và thắng lợi nhất định về tay ta...”.

(Lời phát biểu tại Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I, kỳ họp thứ sáu; Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, t.8, tr.287, 289)

“... Tính chất Nhà nước là vấn đề cơ bản của Hiến pháp. Đó là vấn đề nội dung giai cấp của chính quyền. Chính quyền về tay ai và phục vụ quyền lợi của ai? Điều đó quyết định toàn bộ nội dung của Hiến pháp...”

... Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

Nguyên tắc ấy bảo đảm quyền kiểm soát của nhân dân đối với đại biểu của mình...

... Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực của Nhà nước ở địa phương.

Quốc hội bầu ra Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng Chính phủ. Hội đồng Chính phủ là cơ quan chấp hành pháp luật và nghị quyết của Quốc hội, là cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội.

Trong thời gian Quốc hội không họp thì Hội đồng Chính phủ chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập pháp. Những vấn đề quan trọng nhất của Nhà nước trong phạm vi toàn quốc đều do Quốc hội quyết định”.

(Báo cáo về Dự thảo Hiến pháp sửa đổi tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội Khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; ngày 18-12-1959, Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, t.9, tr. 586; 590 - 591)

“Quốc hội phải có những đại biểu thật sự xứng đáng, những đại biểu một lòng một dạ phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân và phục vụ chủ nghĩa xã hội.

Lựa chọn những đại biểu như vậy là quyền lợi và nghĩa vụ của người cử tri...”.

(Lời phát biểu tại Đại hội nhân dân Thủ đô chào mừng các vị ứng cử Đại biểu Quốc hội tại Hà Nội ra mắt cử tri, ngày 24-4-1960, Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, t. 10, tr.130)

II. CÁC VĂN KIỆN QUAN TRỌNG CỦA ĐẢNG VỀ QUỐC HỘI

*** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI** nhấn mạnh: “Quản lý đất nước bằng pháp luật, chứ không chỉ bằng đạo lý. Pháp luật là thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, thể hiện ý chí của nhân dân, phải được thực hiện thống nhất trong cả nước... Quản lý bằng pháp luật đòi hỏi phải quan tâm xây dựng pháp luật. Từng bước bổ sung và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật để bảo đảm cho bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo pháp luật.

... Pháp luật phải được chấp hành nghiêm chỉnh, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Trong điều kiện đảng cầm quyền, mọi cán bộ, bất cứ ở cương vị nào, đều phải sống và làm việc theo pháp luật. Không cho phép bất cứ ai dựa vào quyền thế để làm trái pháp luật”.¹

*** Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII** nhấn mạnh đến phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước và vai trò của các đoàn thể nhân dân, theo đó:

“... Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa là thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị. Đây vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

Điều kiện quan trọng để phát huy dân chủ là xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, nâng cao trình độ dân trí...”²

Nghị quyết của Đại hội nhấn mạnh đến việc cần tập trung làm tốt công tác:

“... Sửa đổi Hiến pháp; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục sửa đổi và xây dựng hệ thống pháp luật về kinh tế, văn hóa, xã hội, về hình sự, dân sự, hành chính, về quyền và nghĩa vụ công dân... Nâng cao trình độ của các cơ quan nhà nước về xây dựng luật pháp, sớm ban hành luật về trình tự xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật, bảo đảm cho Nhà nước quản lý mọi mặt của đời sống xã hội bằng pháp luật...”

Cải tiến tổ chức và hoạt động của Quốc hội và hội đồng nhân dân để làm đúng chức năng quy định. Đổi mới tiêu chuẩn đại biểu, chế độ bầu cử và quy chế hoạt động của Quốc hội và hội đồng nhân dân”¹

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb, Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 120-121.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 90-91.

*** Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII** nhấn mạnh nhiệm vụ đổi mới, nâng cao chất lượng công tác lập pháp và giám sát tối cao của Quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước, cụ thể là:

“- *Về hoạt động lập pháp*: Ban hành các đạo luật cần thiết để điều chỉnh các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ưu tiên xây dựng các luật về kinh tế, về các quyền công dân và các luật điều chỉnh công cuộc cải cách bộ máy nhà nước, các luật điều chỉnh các hoạt động văn hóa, thông tin. Coi trọng tổng kết thực tiễn Việt Nam, nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, ban hành các văn bản luật với những quy định cụ thể, dễ hiểu, dễ thực hiện. Giảm dần các luật, pháp lệnh chỉ dừng lại ở những nguyên tắc chung, muốn thực hiện được phải có nhiều văn bản hướng dẫn thi hành.

- *Về hoạt động giám sát*: Nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội và hội đồng nhân dân. Xác định rõ phạm vi, nội dung, cơ chế giám sát của Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội và của hội đồng nhân dân các cấp; phân định rõ tính chất, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác nhau giữa hoạt động giám sát của Quốc hội và hội đồng nhân dân với hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm sát của các cơ quan và tổ chức khác. Cùng với việc bảo đảm thực hiện các quyền khiếu nại, tố cáo của công dân, cần nghiên cứu, hướng dẫn để mọi công dân có điều kiện phát hiện, đề xuất, kiến nghị, giúp cho hoạt động giám sát có hiệu quả”¹

*** Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX**

“IX. Đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế.

... Thực hiện cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước. Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; tăng cường công tác lập pháp, xây dựng chương trình dài hạn về lập pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới quy trình ban hành và hướng dẫn thi hành luật. Khẩn trương nghiên cứu, đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 phù hợp với tình hình mới...

...Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, tăng cường pháp chế. Hoàn thiện những quy định về bầu cử, ứng cử, về tiêu chuẩn, cơ cấu các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trên cơ sở phát huy dân chủ...”²

“2. Cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước

Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, trọng tâm là tăng cường công tác lập pháp, xây dựng chương trình dài hạn về lập pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới quy trình ban hành và hướng dẫn thi hành luật. Quốc hội làm tốt chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, quyết định và phân bổ ngân sách nhà nước, thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 91-92.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 130 - 131.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 48 - 49, 132-133.

trước mắt tập trung vào những vấn đề bức xúc như sử dụng vốn và tài sản nhà nước, chống tham nhũng, quan liêu.

Khẩn trương nghiên cứu, đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 phù hợp với tình hình mới...”.

“... Nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, hoàn thiện những quy định về bầu cử, ứng cử, về tiêu chuẩn và cơ cấu các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trên cơ sở thật sự phát huy dân chủ. Tăng tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng. Khắc phục mọi biểu hiện dân chủ hình thức. Xây dựng Luật trung cầu dân ý dân...”

“... *Đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp luật* phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung pháp luật hiện hành phù hợp với yêu cầu thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là các luật: Luật thương mại, Luật phá sản doanh nghiệp, Bộ luật lao động, Luật các tổ chức tín dụng, Luật ngân sách nhà nước, Luật đất đai... Xây dựng một số luật mới như: Luật doanh nghiệp, trên cơ sở thống nhất Luật doanh nghiệp nhà nước và Luật doanh nghiệp hiện hành; Luật đầu tư, trên cơ sở thống nhất Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Luật khuyến khích đầu tư trong nước; Luật khuyến khích cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh... Đổi mới và hoàn thiện quy trình xây dựng luật, ban hành và thực thi pháp luật, trong đó chú trọng việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật và tổ chức thi hành luật một cách nghiêm minh...”¹

Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX của Đảng xác định: “Tiếp tục đổi mới hoạt động lập pháp của Quốc hội để nâng cao chất lượng của các luật, pháp lệnh; hoàn thiện quy chế về vai trò, trách nhiệm của đại biểu Quốc hội chuyên trách; tổ chức chặt chẽ và hiệu quả công tác giám sát tối cao. Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan của Quốc hội... Tiếp tục hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo Quốc hội...”²

Cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên trong cả nước bầu ra Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được tổ chức vào ngày 6-1-1946. Chính vì thế, trong phiên họp thứ 26, ngày 24-2-2005, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa IX đã quyết định lấy ngày 6-1-2006 làm Ngày kỷ niệm 60 năm Quốc hội Việt Nam và đã ban hành Kế hoạch số 343/KH-UBTVQH11 ngày 6-5-2005 về việc Tổ chức kỷ niệm 60 năm Quốc hội Việt Nam (6-1-1946 - 6-1-2006).

III. VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA QUỐC HỘI TRONG BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

Vị trí, vai trò của Quốc hội được thể hiện ở hai đặc điểm: Quốc hội là cơ quan đại diện dân cử cao nhất của nhân dân và đồng thời, là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

1. Quốc hội là cơ quan đại diện dân cử cao nhất

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 329-330.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 204-205. tr. 204-205.

Tính đại diện cao nhất của Quốc hội nước ta thể hiện trên ba yếu tố: (a) Quốc hội có cơ cấu thành phần đại biểu đại diện rộng rãi cho các tầng lớp nhân dân; (b) Quốc hội thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình dựa vào sự tín nhiệm của nhân dân, do nhân dân ủy quyền và (c) Quốc hội chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Quốc hội do toàn dân bầu ra, có cơ cấu thành phần phản ánh sự đoàn kết rộng rãi các giai cấp, tầng lớp, dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ: “các đại biểu trong Quốc hội này không phải đại diện cho một đảng phái nào mà là đại biểu cho toàn thể quốc dân Việt Nam”¹; “Quốc hội là tiêu biểu cho ý chí thống nhất của dân tộc ta, một ý chí sắt đá không gì lay chuyển nổi”²

Quốc hội là cơ quan duy nhất do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Nói cách khác, nhân dân ủy quyền cho các đại biểu Quốc hội thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn mà nhân dân giao phó.

Tính đại diện của Quốc hội còn thể hiện ở việc Quốc hội chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Đây là mối quan hệ ràng buộc hai chiều giữa đại biểu Quốc hội với nhân dân. Bắt nguồn từ nhân dân và được sự tín nhiệm của nhân dân, các đại biểu Quốc hội có trách nhiệm gần gũi, lắng nghe ý kiến của nhân dân, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân; phải xuất phát từ lợi ích của đông đảo nhân dân để quyết định các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội.

Điều 8 Hiến pháp năm 1992 quy định các cơ quan nhà nước, cán bộ, viên chức nhà nước “phải tôn trọng nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng”.

Quốc hội và các đại biểu Quốc hội chịu sự giám sát của nhân dân thông qua việc bảo đảm cho nhân dân theo dõi quá trình làm việc của Quốc hội (như tham dự các phiên họp, nghe chất vấn và trả lời chất vấn), thông qua việc đại biểu Quốc hội phải báo cáo hoạt động tại đơn vị đã bầu cử mình.

2. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất

Tính quyền lực nhà nước của Quốc hội thể hiện ở thẩm quyền của Quốc hội và được cụ thể hóa thành các chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể.

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội được quy định trong các bản Hiến pháp của nước ta.

Theo Hiến pháp năm 1992, Quốc hội nước ta có ba chức năng: lập hiến và lập pháp; quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; và giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

*** Chức năng lập hiến và lập pháp**

Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền thông qua Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp, thông qua luật và sửa đổi luật. Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, quy định các vấn đề quan trọng nhất về quyền lực Nhà nước và cách thức tổ chức quyền lực Nhà nước, về chế độ chính trị, chế độ văn hóa - xã hội, về cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước, về quan hệ giữa Nhà nước và cá nhân, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân... Hiến pháp và luật thể hiện

1, 2. Hồ Chí Minh, Sđd, t.4, tr. 189; t.7, tr.497.

đường lối cơ bản và những chủ trương lớn của Đảng đã được Nhà nước thể chế hóa và có hiệu lực thi hành trên toàn lãnh thổ nước ta. Luật là văn bản có hiệu lực pháp lý sau Hiến pháp.

Các quy phạm pháp luật khác do các cơ quan nhà nước ban hành phải căn cứ vào Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và không được trái với tinh thần, nội dung của Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội.

*** Chức năng quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước**

Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, quy định những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân.

Những vấn đề quan trọng của đất nước do Quốc hội quyết định gồm có: (i) về tổ chức hoạt động của các cơ quan nhà nước ở Trung ương: Quốc hội bầu, miễn nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Quốc hội, thành lập Chính phủ, bầu Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định thành lập, bãi bỏ các bộ và các cơ quan ngang bộ; thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...; (ii) về lĩnh vực kinh tế - xã hội: Quốc hội quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia; quyết định dự toán ngân sách Nhà nước và phân bổ ngân sách Trung ương; chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, quyết định đại xá, hàm cấp trong các lực lượng vũ trang; (iii) về vấn đề chiến tranh và hòa bình, Quốc hội quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia; và (iv) về đối ngoại, Quốc hội phê chuẩn hoặc bãi bỏ các điều ước quốc tế đã ký kết hoặc tham gia.

*** Chức năng giám sát tối cao của Quốc hội**

Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước nhằm bảo đảm cho mọi hoạt động của Nhà nước đúng pháp luật, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đối tượng giám sát của Quốc hội là việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; hoạt động của các cơ quan nhà nước ở Trung ương là Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án Nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Các cơ quan này chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội. Những người do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn phạm sai lầm sẽ bị Quốc hội xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Quốc hội hoạt động theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. Các vấn đề được Quốc hội quyết định đều phải được tập thể các đại biểu Quốc hội xem xét và chỉ được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành, trừ trường hợp sửa đổi Hiến pháp thì phải có hai phần ba tổng số đại biểu tán thành.

Hiến pháp năm 1992 quy định nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước trong đó phải kể đến nguyên tắc tập trung dân chủ mà nội dung của nguyên tắc này là quyền lực nhà nước phải được triển khai thống nhất, xuyên suốt... và quyền lực đó phải chịu sự kiểm soát của nhân dân hay của các cơ quan đại diện.

Trong cơ chế tổ chức quyền lực nhà nước, mối quan hệ giữa Quốc hội và các thiết chế nhà nước khác được xác định ở chỗ: Quốc hội có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm những người đứng đầu các cơ quan nhà nước khác; nhiệm kỳ hoạt động của các cơ quan nhà nước do Quốc hội thành lập là theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Do được Quốc hội bầu và có thể bị Quốc hội bãi miễn, nên có thể thấy rằng sự tồn tại của chính các cơ quan nhà nước khác ở Trung ương phụ thuộc vào sự tín nhiệm của Quốc hội. Mặt khác, mỗi cơ quan nhà nước khi được thành lập có phạm vi thẩm quyền nhất định và có tính độc lập trong việc tổ chức thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn được giao đó.

IV. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH CỦA QUỐC HỘI VIỆT NAM

*** Quốc dân Đại hội Tân Trào**

Tháng 10-1944, trước sự chuyển biến của tình hình thế giới có lợi cho sự nghiệp giải phóng của dân tộc Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho quốc dân đồng bào đề thông báo chủ trương triệu tập Đại hội đại biểu quốc dân. Trong thư có đoạn viết: "... chúng ta phải có một cái cơ cấu đại biểu... do một cuộc Toàn quốc đại biểu Đại hội gồm tất cả các đảng phái cách mệnh và các đoàn thể ái quốc trong nước bầu cử ra. Một cơ cấu như thế mới đủ lực lượng và oai tín, trong thì lãnh đạo công việc cứu quốc, kiến quốc, ngoài thì giao thiệp với các hữu bang"¹

Giữa năm 1945, cao trào kháng Nhật cứu nước đang diễn ra sôi nổi, cơ hội ngàn năm có một cho nhân dân ta giải phóng dân tộc đang đến gần, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ thị phải gấp rút triệu tập Đại hội đại biểu quốc dân để thành lập Chính phủ lâm thời cách mạng của nước Việt Nam. Người cân nhắc rất kỹ giá trị của thời gian, mỗi ngày, mỗi giờ trong lúc thời cuộc đại chuyển biến. Lúc bấy giờ, theo Người, chậm trễ là bỏ lỡ nhiều cơ hội thuận lợi.

Vì vậy, giữa tháng 8-1945, khi chủ nghĩa phát xít tuyên bố đầu hàng các nước Đồng minh không điều kiện và lực lượng cách mạng Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ trong cả nước, trước thời cơ có một không hai để giải phóng dân tộc, Hội nghị toàn quốc của Đảng đã họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) từ ngày 13 đến ngày 15-8-1945 để quyết định phát động lệnh Tổng khởi nghĩa và Quốc dân đại hội cũng đã được tiến hành trong bối cảnh đó.

Chiều ngày 16-8-1945, tại đình Tân Trào (huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang), Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng bộ Việt Minh đã khai mạc Đại hội đại biểu quốc dân (nay gọi là Quốc dân Đại hội Tân Trào). Tham dự Đại hội có hơn 60 đại biểu đại diện cho cả 3 miền Bắc - Trung - Nam, đại diện cho các ngành, các giới, các dân tộc, các đảng phái chính trị, các đoàn thể cứu quốc và một số kiều bào ta ở nước ngoài (Thái Lan và Lào). Đại hội tiến hành trong khi lệnh Tổng khởi nghĩa vừa phát đi, cho nên phải họp khẩn trương, "chớp nhoáng" để các đại biểu có thể về cùng các chiến sĩ ở địa phương lãnh đạo khởi nghĩa.

Đại hội đại biểu quốc dân đã có ba quyết định lớn:

- Nhất trí tán thành chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa của Đảng và của Tổng bộ Việt Minh;

- Thông qua 10 chính sách của Việt Minh và hàng triệu đồng bào tích cực phấn đấu thực hiện, trong đó, điểm mấu chốt đầu tiên là giành lấy chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên nền tảng hoàn toàn độc lập;

1. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd. t.3, tr.505.

- Thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Trần Huy Liệu làm Phó Chủ tịch. Thường trực Ủy ban gồm 5 người: Hồ Chí Minh, Trần Huy Liệu, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Lương Bằng và Dương Đức Hiền.

Đại hội bế mạc vào ngày 17-8-1945. Trong buổi lễ bế mạc, ra mắt quốc dân tại đình Tân Trào, thay mặt cho Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc lời tuyên thệ: “Chúng tôi là những người được Quốc dân đại biểu bầu vào Ủy ban dân tộc giải phóng để lãnh đạo cuộc cách mạng của nhân dân. Trước lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc, chúng tôi nguyện kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù, giành lại độc lập cho Tổ quốc. Dù phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, không lùi bước”¹

Quốc dân Đại hội Tân Trào là một tiền bộ lớn trong lịch sử đấu tranh giải phóng của dân tộc ta, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng đánh giá. Đây là một Đại hội mang tầm vóc lịch sử của một Quốc hội, một cơ quan quyền lực nhà nước lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ủy ban dân tộc giải phóng (tức Chính phủ cách mạng lâm thời) của nước Việt Nam mới được Quốc dân Đại hội bầu ra ngày 16-8-1945 là người đại diện chân chính, hợp pháp duy nhất của nhân dân Việt Nam để thực hiện những quyết sách lớn của công cuộc cứu nước và kiến quốc. Đây là thắng lợi lớn của nghệ thuật chớp đúng thời cơ của Tổng bộ Việt Minh, của Chủ tịch Hồ Chí Minh; là sự sáng tạo độc đáo của Người trong việc vận dụng và thực thi từng bước tư tưởng dân quyền ngay trong tiến trình đấu tranh giành quyền độc lập bằng hình thức tổ chức Quốc dân Đại hội để thông qua quyết sách chuyển xoay vận nước bằng Tổng khởi nghĩa, xóa bỏ chế độ nô dịch thực dân, thi hành chính sách 10 điểm của Việt Minh, đặt cơ sở pháp lý đầu tiên cho một chế độ mới.

Quốc dân Đại hội Tân Trào họp ngày 16 và 17-8-1945, là mốc son chói lọi mãi mãi được ghi vào lịch sử vẻ vang của dân tộc và có giá trị vĩnh hằng như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định khi nói về sự kiện này:

“Vừa đây Việt Minh lại triệu tập “Việt Nam quốc dân đại biểu Đại hội”, cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam để lãnh đạo toàn quốc nhân dân kiên quyết đấu tranh kỳ cho nước được độc lập.

Đó là một tiền bộ rất lớn trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc ta từ ngót một thế kỷ nay.

Đó là một điều khiến cho đồng bào ta phấn khởi và riêng tôi hết sức vui mừng”¹.

Như vậy, kể từ Bản yêu sách của nhân dân An Nam (năm 1919) đến Quốc dân Đại hội Tân Trào (năm 1945), tư tưởng về xây dựng một nhà nước pháp quyền trong Hồ Chí Minh đã được cụ thể hóa từng bước, với những việc làm cụ thể từ thấp đến cao, từng bước chuẩn bị tiền đề từ nhận thức đến hành động để đi đến thắng lợi cuối cùng, đó là bước đi hợp quy luật, điều này đã trở thành bài học quý báu cần được vận dụng sáng tạo trong sự nghiệp đổi mới nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

*** Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9-1945**

Thực hiện Nghị quyết Tổng khởi nghĩa giành chính quyền của Quốc dân đại hội và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước, triệu người như một, nhất tề nổi dậy với ý chí “đù

1. Hồ Chí Minh, Biên niên tiểu sử, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.2, tr. 263.

1. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, t.3, tr. 553.

có hy sinh đến đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn, cũng quyết tâm giành cho được chính quyền trong toàn quốc”.

Cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng giành được thắng lợi, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội (ngày 19-8), Huế (ngày 23-8); Sài Gòn (ngày 25-8). Chính quyền trong cả nước đã thuộc về nhân dân. Vua Bảo Đại xin thoái vị để “được làm dân tự do của một nước độc lập”.

Ngày 25-8-1945, theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ủy ban dân tộc giải phóng do Quốc dân Đại hội Tân Trào cử ra được tổ chức thành Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong lời tuyên cáo của Chính phủ ngày 27-8-1945 đã nói rõ: “...Chính phủ lâm thời thật là một Chính phủ quốc gia thống nhất, giữ trọng trách là chỉ đạo cho toàn thể đời ngày triệu tập được Quốc hội để cử ra một Chính phủ cộng hòa chính thức”.

Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, trước cuộc mít tinh của hàng chục vạn đồng bào Thủ đô, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trình trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố với quốc dân và thế giới: “Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời” - một kỷ nguyên mới trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam bắt đầu: Kỷ nguyên độc lập - tự do.

*** Những quyết định đi đến ngày Tổng tuyển cử 6-1-1946**

Để bảo vệ nền độc lập, tự do cho dân tộc, một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để củng cố và tăng cường chính quyền là phải thực hiện quyền dân chủ cho quần chúng, phải xúc tiến việc bầu Quốc hội để quy định Hiến pháp, bầu Chính phủ chính thức. Vì vậy, ngày 3-9-1945, tức là một ngày sau khi Nhà nước cách mạng ra đời, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng tốt cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu.

Ngày 8-9-1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra Sắc lệnh số 14-SL về cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội. Sắc lệnh ghi rõ: “Chiều theo Nghị quyết của Quốc dân Đại hội ngày 16, 17-8-1945 tại khu giải phóng, ấn định rằng nước Việt Nam sẽ theo chính thể dân chủ cộng hòa và chính phủ nhân dân toàn quốc sẽ do một Quốc dân đại hội bầu theo lối phổ thông đầu phiếu cử lên”.

Để xúc tiến công việc chuẩn bị cụ thể cho cuộc Tổng tuyển cử, ngày 26-9-1945, Chính phủ lâm thời ban hành Sắc lệnh số 39-SL về thành lập Ủy ban dự thảo thể lệ cuộc Tổng tuyển cử và Sắc lệnh số 51-SL, ngày 17-10-1945 quy định thể lệ cuộc Tổng tuyển cử phải thực hiện theo lối phổ thông đầu phiếu, bầu cử trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Công việc chuẩn bị Tổng tuyển cử diễn ra trong điều kiện giặc ngoài, thù trong, tình hình kinh tế - xã hội hết sức khó khăn, việc Chính phủ lâm thời ban hành một loạt các sắc lệnh đã thể hiện sự cố gắng hết sức để cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên giành thắng lợi. Do hoàn cảnh đặc biệt của đất nước, cuộc Tổng tuyển cử này không chỉ là một cuộc vận động chính trị thông thường, mà thực chất là một cuộc đấu tranh chính trị, đấu tranh giai cấp và dân tộc vô cùng gay go, phức tạp và không kém phần quyết liệt.

Các báo *Cứu quốc*, *Sự thật*, *Tiền phong* đã tích cực đấu tranh vạch trần những luận điệu xảo trá của các thế lực phản động, hướng dẫn dư luận, cổ vũ quần chúng tích cực tham gia Tổng tuyển cử, vì Tổng tuyển cử là thực hiện quyền tự do, dân chủ của nhân dân. Chỉ có Tổng tuyển cử mới có dịp để cho dân chúng chọn người đại diện chân chính và trung thành

của toàn thể quốc dân, cũng chỉ có Tổng tuyển cử mới có một cơ quan quyền lực cao nhất đủ thẩm quyền để ban hành cho nước Việt Nam một Hiến pháp ấn định rõ ràng quyền lợi của quốc dân và của Chính phủ. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức để gánh vác công việc nhà... Tổng tuyển cử tức là tự do, bình đẳng; tức là dân chủ, đoàn kết”¹

Cuộc Tổng tuyển cử lúc đầu được dự kiến là ngày 23-12-1945. Để thực hiện chủ trương thống nhất và hòa giải, đồng thời, để có thêm thời gian cho công tác chuẩn bị, nhất là để các ứng cử viên có điều kiện nộp đơn và vận động tranh cử, ngày 18-12-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh hoãn cuộc Tổng tuyển cử đến ngày chủ nhật, 6-1-1946.

Qua quá trình đấu tranh thương lượng và nhân nhượng, Việt Nam Quốc dân đảng (Việt quốc) đã thỏa thuận hợp tác với Chính phủ và ủng hộ cuộc Tổng tuyển cử. Trên cơ sở đó, ngày 24-12-1945, đại biểu của Việt Minh, Việt quốc, Việt cách (Việt Nam cách mạng Đồng minh hội) đã gặp nhau và cùng ký bản “biện pháp đoàn kết”, trong đó có điều khoản ủng hộ Tổng tuyển cử và kháng chiến, nhất trí về việc mở rộng Chính phủ lâm thời có đại diện của Việt quốc, Việt cách tham gia, thừa nhận 70 ghế cho họ trong Quốc hội mà không qua bầu cử. Đây là một sách lược hết sức mềm dẻo và khôn khéo của Mặt trận Việt Minh và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm cô lập bọn phản động và hạn chế sự chống phá điên cuồng của chúng.

Ngày 1-1-1946, Chính phủ lâm thời đã cải tổ thành Chính phủ liên hiệp lâm thời, mở rộng thêm thành phần Chính phủ để thực hiện mục tiêu lớn là làm cho cuộc toàn dân tuyển cử được thành công tốt đẹp và chuẩn bị sẵn sàng việc khai Quốc hội.

Cùng với quá trình đấu tranh hòa hoãn, nhân nhượng với các đảng phái đối lập để tạo sự thống nhất, Chính phủ lâm thời đã nhanh chóng tổ chức soạn thảo Hiến pháp và triển khai sâu rộng công tác chuẩn bị Tổng tuyển cử trong cả nước, coi đó là một cuộc vận động chính trị hết sức rộng lớn của toàn dân.

Ngày 5-1-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu, trong đó có đoạn: “... Ngày mai, là một ngày vui sướng của đồng bào ta, vì ngày mai là ngày Tổng tuyển cử, vì ngày mai là một ngày đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mà nhân dân ta bắt đầu hưởng dụng quyền dân chủ của mình...”¹

Báo *Quốc hội* số đặc biệt ngày 6-1-1946 đã dành khổ lớn trên trang nhất để in ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng bút tích của Người: “Khuyên đồng bào nam nữ 18 tuổi trở lên hôm nay tất cả đều đi bỏ phiếu để bầu những người đại biểu xứng đáng vào Quốc hội đầu tiên của nước ta”. Cuộc Tổng tuyển cử ở phía Nam diễn ra vào ngày 23-12-1945 (do không kịp nhận lệnh hoãn), còn đại bộ phận cả nước tiến hành Tổng tuyển cử thắng lợi vào ngày 6-1-1946. Đây là một ngày đấu tranh hiểm có trong lịch sử của dân tộc.

*** Một số diễn biến đáng chú ý trong ngày Tổng tuyển cử 6-1-1946**

Cuộc Tổng tuyển cử ở Hà Nội diễn ra tràn đầy phấn khởi và được chuẩn bị tổ chức chu đáo. Có 91,95% cử tri của 74 khu nội thành và 118 làng ngoại thành Hà Nội đã đi bỏ phiếu. Kết quả, 6 trong số 74 ứng cử viên đã trúng cử với số phiếu cao nhất (98,4%). Ở các địa phương khác trong cả nước, đặc biệt là ở các tỉnh phía Nam, nhất là Nam Bộ, nhân dân đi

1. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sdd, t.4, tr. 133.

1. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sdd, t.4, tr. 145.

bỏ phiếu rất đông, bắt chắp bom đạn của giặc Pháp. Nhiều nơi nhân dân phải đổi cả xương máu để thực hiện quyền tự do, dân chủ của mình...

Tất cả 71 tỉnh, thành có 89% tổng số cử tri đã đi bỏ phiếu; phổ biến là 80%, nhiều nơi đạt 95%. Trừ một vài nơi phải bầu cử bổ sung, tuyệt đại đa số các địa phương chỉ bầu một lần. Cả nước đã bầu được 333 đại biểu, trong đó có 57% số đại biểu của các đảng phái khác nhau; 43% số đại biểu không đảng phái; 87% số đại biểu là công nhân, nông dân, chiến sĩ cách mạng; 10 đại biểu nữ và 34 đại biểu dân tộc thiểu số.

Cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 được tiến hành theo những nguyên tắc dân chủ, tiến bộ nhất, đó là: phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Thắng lợi của Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 đánh dấu mốc phát triển nhảy vọt đầu tiên về thể chế dân chủ của nước Việt Nam.

*** Ý nghĩa của kết quả bầu cử Quốc hội đầu tiên và việc ra đời của Quốc hội**

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử phát triển của thể chế chính trị ở Việt Nam, đó là thời kỳ nước ta có một Quốc hội dân tộc thống nhất, một Chính phủ liên hiệp kháng chiến có đầy đủ tư cách pháp lý đại diện cho nhân dân toàn quốc đảm đương nhiệm vụ đối nội và đối ngoại.

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân là “kết quả của sự hy sinh, tranh đấu của tổ tiên ta, nó là kết quả của sự đoàn kết anh dũng phấn đấu của toàn thể đồng bào Việt Nam ta, sự đoàn kết của toàn thể đồng bào không kể già, trẻ, lớn, bé, gồm tất cả các tôn giáo, tất cả các dân tộc trên bờ cõi Việt Nam đoàn kết chặt chẽ thành một khối, hy sinh không sợ nguy hiểm tranh lấy nền độc lập cho Tổ quốc”¹

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử đã khẳng định niềm tin tuyệt đối của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vào tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Đồng thời, đó cũng là sự biểu thị khát vọng dân chủ của nhân dân và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, đập tan âm mưu đen tối của các thế lực phản động âm mưu tiêu diệt cách mạng Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh chính trị và ngoại giao của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh đã khẳng định: “Cuộc Tổng tuyển cử thắng lợi, Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam ra đời... Đây chính là kết quả của sự gắn bó máu thịt và niềm tin sắt đá của các tầng lớp nhân dân trong cả nước đối với Đảng, Bác Hồ và chính quyền non trẻ của chúng ta, là mốc son chói lọi, đánh dấu bước phát triển nhảy vọt đầu tiên về thể chế dân chủ của nước Việt Nam”.

V. QUỐC HỘI VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ

1. Quốc hội khóa I (1946 - 1960)

Bầu ngày 6-1-1946

Tổng số đại biểu: 403

Gồm 333 đại biểu được dân bầu, 70 đại biểu không qua bầu cử, trong đó, có 20 đại biểu thuộc Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội và 50 đại biểu thuộc Việt Nam Quốc Dân Đảng.

1. Hồ Chí Minh, Sdd, t.4, tr. 189.

** Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:*

- | | |
|--------------------------|------------------------------------|
| - Trí thức: 61% | Về tuổi tác: |
| - Công kỹ nghệ gia: 0,6% | - Đại biểu từ 18 đến 25 tuổi: 0,7% |
| - Buôn bán: 0,5% | - Đại biểu từ 26 đến 40 tuổi: 70% |
| - Thợ thuyền: 0,6% | - Đại biểu từ 41 đến 50 tuổi: 18% |
| - Nông dân: 22% | - Đại biểu từ 51 đến 70 tuổi: 0,5% |

** Chủ tịch Chính phủ do Quốc hội bầu*

Chủ tịch: Hồ Chí Minh

** Ban Thường trực Quốc hội đầu tiên*

- Trưởng ban (a): Nguyễn Văn Tố
- Phó Trưởng ban: Phạm Văn Đồng, Cung Đình Quý
- Thư ký ban Thường trực: Hoàng Minh Giám, Dương Đức Hiền

** Một số hoạt động nổi bật:*

- Hoạt động lập pháp: Quốc hội khóa I đã xem xét và thông qua nhiều đạo luật, nghị quyết quan trọng, trong đó, sự kiện quan trọng nhất của Quốc hội khóa 1 là đã ban hành được bản Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1959 và Tuyên ngôn của Quốc hội Việt Nam (1946);

- Quốc hội đã nhất trí đề Chính phủ ký với Pháp Hiệp định sơ bộ vào ngày 6-3-1946.

- Quốc hội đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thành công sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi.

- Từ năm 1954 đến năm 1960, thông qua các kế hoạch khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa, từng bước xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, đưa miền Bắc tiến dần từng bước trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất đất nước, tạo thế và lực cho cách mạng miền Nam tiến lên, đánh bại chiến tranh đơn phương của Mỹ và tay sai

- Sau ngày hòa bình lập lại, hoạt động đối ngoại của Quốc hội đã tập trung vào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, phát triển và củng cố tình hữu nghị, đoàn kết giữa Việt Nam và các nước xã hội chủ nghĩa.

2. Quốc hội khóa II (1960 - 1964)

Bầu ngày 8-5-1960

Tổng số đại biểu: 453

Trong đó 91 đại biểu miền Nam lưu nhiệm.

** Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:*

- | | |
|---------------------------|---------------------------|
| - Công nhân: 13,8% | - Dân tộc thiểu số: 15,4% |
| - Nông dân: 12,9% | - Quân đội: 4,5% |
| - Trí thức: 28,4% | - Phụ nữ: 13,5% |
| - Đảng viên: 82,3% | - Thanh niên: 8,8% |
| - Cán bộ chính trị: 35,2% | - Tôn giáo: 3,5% |

** Các vị lãnh đạo cơ quan Nhà nước do Quốc hội bầu*

- Chủ tịch nước: Hồ Chí Minh
- Phó Chủ tịch nước: Tôn Đức Thắng
- Thủ tướng Chính phủ: Phạm Văn Đồng
- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Phạm Văn Bạch

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Hoàng Quốc Việt
- Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng: Hồ Chí Minh
- * Ủy ban Thường vụ Quốc hội
- Chủ tịch UBTVQH: Trường Chinh
- Phó Chủ tịch UBTVQH: Hoàng Văn Hoan, Xuân Thủy, Nguyễn Xiển, Trần Đăng Khoa, Chu Văn Tấn, Nguyễn Văn Hưởng
- Tổng thư ký: Hoàng Văn Hoan
- Chủ nhiệm Ủy ban Dự án Pháp luật: Hoàng Văn Hoan
- Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch và Ngân sách: Tôn Quang Phiệt
- Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc: Chu Văn Tấn
- Chủ nhiệm Ủy ban Thống nhất: Trần Huy Liệu
- * Một số hoạt động nổi bật:

- Giai đoạn: 1960-1964. Quốc hội đã phát huy vai trò quan trọng của mình trong việc động viên sức người, sức của để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

- Quốc hội khóa II đã ban hành nhiều luật quan trọng để củng cố chính quyền dân chủ nhân dân ở miền Bắc như Luật tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức Hội đồng Chính phủ, Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp... nhiều pháp lệnh quan trọng như Pháp lệnh về việc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, Pháp lệnh quy định cụ thể về tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Pháp lệnh quy định chế độ phục vụ của sĩ quan công an nhân dân vũ trang, Pháp lệnh quy định việc quản lý của Nhà nước đối với công tác phòng cháy và chữa cháy,...

- Quốc hội đã thông qua kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), thông qua Cương lĩnh hành động của toàn dân nhằm thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; phê chuẩn việc thành lập các tổ chức và cơ quan nhà nước, bổ nhiệm các cán bộ cấp cao của Nhà nước, phê chuẩn việc khen thưởng và đã tích cực giải quyết các đơn thư, khiếu tố của nhân dân, ân xá những phạm nhân đã cải tạo tốt.

3. Quốc hội khóa III (1964 - 1971)

Bầu ngày 26-4-1964

Tổng số đại biểu: 455

Trong đó 89 đại biểu lưu nhiệm.

* Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:

- | | |
|--------------------|---------------------------|
| - Công nhân: 12,4% | - Dân tộc thiểu số: 16,6% |
| - Nông dân: 24,5% | - Quân đội: 5% |
| - Trí thức: 26,8% | - Phụ nữ: 16,7% |
| - Đảng viên: 80,6% | - Thanh niên: 15,6% |

- Cán bộ chính trị: 19,2% - Tôn giáo: 3,2%

** Các vị lãnh đạo cơ quan Nhà nước do Quốc hội bầu*

- Chủ tịch nước: Hồ Chí Minh

- Phó Chủ tịch nước: Tôn Đức Thắng

- Thủ tướng Chính phủ: Phạm Văn Đồng

- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Phạm Văn Bạch

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Hoàng Quốc Việt

- Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng: Hồ Chí Minh

** Ủy ban Thường vụ Quốc hội*

- Chủ tịch UBTVQH: Trường Chinh

- Phó Chủ tịch UBTVQH: Hoàng Văn Hoan, Nguyễn Xiển, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Thị Thập, Chu Văn Tấn, Nguyễn Văn Hưởng

- Tổng thư ký: Tôn Quang Phiệt

- Ban thư ký: Tôn Quang Phiệt, Trần Đình Tri, Trương Tấn Phát, Nguyễn Văn Chi

- Chủ nhiệm Ủy ban Dự án Pháp luật: Hoàng Văn Hoan

- Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch và Ngân sách: Trần Danh Tuyên

- Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc: Chu Văn Tấn

- Chủ nhiệm Ủy ban Thống nhất: Trần Huy Liệu

- Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa - Xã hội: Nguyễn Văn Hưởng

** Một số hoạt động nổi bật:*

- Góp phần quan trọng trong việc động viên nhân dân cả nước đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, tích cực chi viện cho cuộc kháng chiến của quân và dân ta nhằm đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ trên chiến trường miền Nam và tích cực làm nghĩa vụ quốc tế đối với cuộc chiến đấu của nhân dân Campuchia và nhân dân Lào anh em. Đặc biệt, năm 1965, khi đế quốc Mỹ mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại ra miền Bắc bằng không quân và hải quân, tại phiên họp ngày 10-4-1965, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội một số quyền hạn trong tình hình mới. Theo đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền quyết định thông qua kế hoạch nhà nước, ngân sách, nhân sự cấp cao, tổ chức hành chính... Quốc hội đã ra nhiều nghị quyết, tuyên bố về tội ác và âm mưu của đế quốc Mỹ, đòi chấm dứt chiến tranh.

- Thông qua rất nhiều nghị quyết về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, đối ngoại, về tổ chức hành chính, về nhân sự phục vụ sự nghiệp xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà và các kế hoạch, nhiệm vụ chuyển hướng kinh tế trong thời chiến; điều chỉnh bộ máy tổ chức của Chính phủ, Tòa án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

- Vai trò của Quốc hội còn được thể hiện qua việc mở rộng quan hệ đối ngoại của Quốc hội nước ta với Quốc hội các nước xã hội chủ nghĩa anh em, bè bạn trên thế giới nhằm tranh thủ sự ủng hộ, đồng tình của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh trên mặt trận ngoại giao, tạo thành sức mạnh tổng hợp để tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược.

- Hoạt động lập pháp: Thông qua Luật sửa đổi và bổ sung Luật Nghĩa vụ quân sự.

4. Quốc hội khóa IV (1971 - 1975)

Bầu ngày 11-4-1971

Tổng số đại biểu: 420

** Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:*

- Công nhân: 22,3%
- Dân tộc thiểu số: 17,3%
- Nông dân: 21,4%
- Quân đội: 6,4%
- Trí thức: 17,1%
- Phụ nữ: 29,7%
- Đảng viên: 75,4%
- Thanh niên: 19,5%
- Cán bộ chính trị: 20,05%

** Các vị lãnh đạo cơ quan Nhà nước do Quốc hội bầu*

- Chủ tịch nước: Tôn Đức Thắng
- Phó Chủ tịch nước: Nguyễn Lương Bằng
- Thủ tướng Chính phủ: Phạm Văn Đồng
- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Phạm Văn Bạch
- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Hoàng Quốc Việt
- Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng: Tôn Đức Thắng

** Ủy ban Thường vụ Quốc hội*

- Chủ tịch UBTVQH: Trường Chinh
- Phó Chủ tịch UBTVQH: Hoàng Văn Hoan, Nguyễn Xiển, Trần Đăng Khoa, Chu Văn Tấn, Nguyễn Thị Thập
- Tổng thư ký: Tôn Quang Phiệt
- Ban thư ký: Tôn Quang Phiệt, Nguyễn Văn Chi, Trương Tấn Phát, Trần Đình Tri, Nguyễn Xuân Linh, Hồ Ngọc Thu
- Chủ nhiệm Ủy ban Dự án Pháp luật: Hoàng Văn Hoan
- Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch và Ngân sách: Đoàn Trọng Thuyến
- Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc: Chu Văn Tấn
- Chủ nhiệm Ủy ban Thống nhất: Nguyễn Thị Lựu
- Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa - Xã hội: Trần Duy Hưng
- Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại: Xuân Thủy

** Một số hoạt động nổi bật:*

- Ban hành nhiều nghị quyết quan trọng về phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu của các kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế; phê chuẩn các dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm, góp phần quan trọng vào việc củng cố và xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sức mạnh để đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ, tiêu biểu là trận “Điện Biên Phủ trên không” vào tháng 12-1972 buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán và ký kết hiệp định Pari về Việt Nam. Quốc hội hoan nghênh và thông qua Nghị quyết về việc ký kết Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (1973). Hoạt động của Quốc hội đã góp phần quan trọng trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta nhằm đánh đổ chế độ thực dân mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, thống nhất Tổ quốc.

5. Quốc hội khóa V (1975 - 1976):

Bầu ngày 6-4-1975

Tổng số đại biểu: 424

** Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:*

- Công nhân: 22 % - Dân tộc thiểu số: 16,7%
- Nông dân: 21 % - Quân đội: 6,5 %
- Trí thức: 22 % - Phụ nữ: 32 %
- Đảng viên: 73 % - Thanh niên: 33 %
- Cán bộ chính trị: 23 %

** Các vị lãnh đạo cơ quan Nhà nước do Quốc hội bầu*

- Chủ tịch nước: Tôn Đức Thắng
- Phó Chủ tịch nước: Nguyễn Lương Bằng
- Thủ tướng Chính phủ: Phạm Văn Đồng
- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Phạm Văn Bạch
- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Hoàng Quốc Việt
- Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng: Tôn Đức Thắng

** Ủy ban Thường vụ Quốc hội*

- Chủ tịch UBTVQH: Trường Chinh
- Phó Chủ tịch UBTVQH: Hoàng Văn Hoan, Nguyễn Xiển, Trần Đăng Khoa, Chu Văn Tấn, Nguyễn Thị Thập, Xuân Thủy.

- Tổng thư ký: Chu Văn Tấn
- Chủ nhiệm Ủy ban Dự án Pháp luật: Hoàng Văn Hoan
- Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch và Ngân sách: Nguyễn Văn Trân
- Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc: Chu Văn Tấn
- Chủ nhiệm Ủy ban Thống nhất: Nguyễn Thị Lựu
- Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa - Xã hội: Trần Quỳnh
- Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại: Xuân Thủy

** Một số hoạt động nổi bật:*

- Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế, ổn định xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
- Hội nghị hiệp thương Chính trị hai miền về việc thống nhất Tổ quốc về mặt nhà nước; Thông qua đề án thực hiện thống nhất nước nhà về mặt nhà nước và cử đoàn đại biểu miền Bắc tham dự Hội nghị Hiệp thương với đoàn đại biểu miền Nam; Thông qua Nghị quyết phê chuẩn kết quả của Hội nghị Hiệp thương, mở ra thời kỳ phát triển mới của nước Việt Nam thống nhất.

6. Quốc hội khóa VI (1976 - 1981)

Bầu ngày 25-4-1976

Tổng số đại biểu: 492

** Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:*

- Công nhân: 16,2 % - Dân tộc thiểu số: 13,6%
- Nông dân: 20,3 % - Quân đội: 10,9 %

- Trí thức: 19,9 %
- Phụ nữ: 26 %
- Đảng viên: 81,4 %
- Thanh niên: 11,7 %
- Cán bộ chính trị: 28,6 %

** Các vị lãnh đạo cơ quan Nhà nước do Quốc hội bầu*

- Chủ tịch nước: Tôn Đức Thắng
- Phó Chủ tịch nước: Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Hữu Thọ
- Thủ tướng Chính phủ: Phạm Văn Đồng
- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Phạm Văn Bạch
- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Trần Hữu Dực
- Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng: Tôn Đức Thắng

** Ủy ban Thường vụ Quốc hội*

- Chủ tịch UBTVQH: Trường Chinh
- Phó Chủ tịch UBTVQH: Hoàng Văn Hoan, Xuân Thủy, Phạm Văn Đăng, Nguyễn Thị Thập, Chu Văn Tấn, Nguyễn Xiển, Trần Đăng Khoa

- Tổng thư ký: Xuân Thủy
- Chủ nhiệm Ủy ban Dự án Pháp luật: Trương Tấn Phát
- Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc: Chu Văn Tấn
- Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa và Giáo dục: Lưu Hữu Phước
- Chủ nhiệm Ủy ban Y tế và Xã hội: Nguyễn Văn Thủ
- Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại: Hoàng Minh Giám

** Một số hoạt động nổi bật:*

- Quốc hội đã quyết định đổi tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quy định quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng, quốc huy mang dòng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” và quốc ca là bài *Tiến quân ca*.

- Để thực hiện tính liên tục của Nhà nước qua các giai đoạn đấu tranh cách mạng của nhân dân ta từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Quốc hội đã quy định khóa Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất là Quốc hội khóa VI và chính thức đặt tên cho thành phố Sài Gòn - Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh; quy định Thủ đô nước Việt Nam thống nhất là Hà Nội. Đồng thời, Quốc hội đã ra Nghị quyết về việc thành lập Ủy ban Dự thảo Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Ban hành nhiều nghị quyết quan trọng như Nghị quyết thông qua nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980); Nghị quyết phê chuẩn việc phân vạch lại địa giới thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh khác; Nghị quyết về việc thành lập đặc khu Vũng Tàu - Côn đảo trực thuộc Trung ương.

- Thông qua Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Hiến pháp năm 1980 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

7. Quốc hội khóa VII (1981 - 1987)

Bầu ngày 26-4-1981

Tổng số đại biểu: 496

** Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:*

- Công nhân: 20,16 % - Dân tộc thiểu số: 14,91%
- Nông dân: 18,64 % - Quân đội: 9,87 %
- Trí thức: 22,17 % - Phụ nữ: 21,78 %
- Đảng viên: 84,12 % - Thanh niên: 18,14 %
- Cán bộ chính trị: 24,39 %

** Các vị lãnh đạo cơ quan Nhà nước do Quốc hội bầu*

- Chủ tịch HĐNN: Trường Chinh
- Phó Chủ tịch HĐNN: Nguyễn Hữu Thọ, Lê Thanh Nghị, Chu Huy Mân, Xuân Thủy
- Chủ tịch HĐBT: Phạm Văn Đồng
- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Phạm Hưng
- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Trần Lê
- Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng: Trường Chinh

** Các vị lãnh đạo Quốc hội*

- Chủ tịch Quốc hội: Nguyễn Hữu Thọ
- Phó Chủ tịch Quốc hội: Xuân Thủy, Nghiêm Xuân Yêm, Nguyễn Xiển, Y Pah (tức Y Một), Cầm Ngoan, Huỳnh Cương, Hòa thượng Thích Thế Long, linh mục Võ Thành Chinh, Phan Anh.

- Chủ tịch Hội đồng Dân tộc: Hoàng Trường Minh
- Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật: Trần Quang Huy
- Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế - Kế hoạch và Ngân sách: Đào Văn Tập
- Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa và Giáo dục: Trần Độ
- Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật: Bùi Thanh Khiết (đến 6-1984), Trần Đức Lương (từ 6-1984)
- Chủ nhiệm Ủy ban Y tế và Xã hội: Nguyễn Thị Định (đến 6-1982), Dương Quốc Chính (từ 6-1982)
- Chủ nhiệm Ủy ban Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng: Vũ Quang (đến 6-1982), Lê Thanh Đạo (từ 6 -1982)
- Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại: Nguyễn Thành Lê (đến 6- 1982), Vũ Quang (từ 6-1982)

** Một số hoạt động nổi bật:*

- Đây là thời kỳ Quốc hội được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp năm 1980, theo đó, Quốc hội được xác định là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp. Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, những mục tiêu phát triển kinh tế và văn hóa, những quy tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

- Quốc hội có 15 loại nhiệm vụ và quyền hạn, trong đó có những quyền rất quan trọng như làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp, làm luật và sửa đổi luật, thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật, quy định kế hoạch nhà nước và phê chuẩn thực hiện kế hoạch nhà nước, quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phê chuẩn quyết toán

ngân sách nhà nước... Hiến pháp còn quy định Quốc hội có thể định cho mình những nhiệm vụ và quyền hạn khác, khi xét thấy cần thiết.

- Theo quy định của Hiến pháp 1980, trong thời kỳ này, nhiệm kỳ của Quốc hội là 5 năm.

- Hiến pháp 1980 quy định Hội đồng Nhà nước là cơ quan cao nhất hoạt động thường xuyên của Quốc hội, là Chủ tịch tập thể của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hội đồng Nhà nước, thông qua Chủ tịch Hội đồng, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại. Hội đồng nhà nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội. Hiến pháp quy định Hội đồng Nhà nước được bầu ra trong số các đại biểu Quốc hội, gồm có: Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, các Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và các Ủy viên Hội đồng Nhà nước. Hội đồng Nhà nước có 21 nhiệm vụ và quyền hạn tương tự như quy định của Hiến pháp 1959 đối với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhưng có sự ràng buộc và chặt chẽ hơn trong việc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của mình như quyết định về việc thành lập hoặc bãi bỏ các bộ, các Ủy ban Nhà nước; cử và bãi miễn các Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, các Bộ trưởng, các Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước; tuyên bố tình trạng chiến tranh khi nước nhà bị xâm lược phải trình Quốc hội phê chuẩn trong kỳ họp gần nhất của Quốc hội...

- Ngoài ra, Hiến pháp 1980 còn quy định Quốc hội bầu Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Quốc hội. Số Phó Chủ tịch Quốc hội do Quốc hội định.

- Hoạt động lập pháp: Ban hành Bộ luật hình sự, Luật hôn nhân gia đình, Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật tổ chức Tòa án nhân dân; Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng; Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Luật Nghĩa vụ quân sự; Luật về sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân,...

- Quốc hội đã triển khai thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước như thành lập các cơ quan nhà nước ở Trung ương, thông qua các nghị quyết về kế hoạch kinh tế - xã hội hàng năm; quyết định các vấn đề về việc cử và miễn nhiệm một số thành viên Hội đồng Bộ trưởng.

8. Quốc hội khóa VIII (1987 - 1992)

Bầu ngày 19-4-1987

Tổng số đại biểu: 496

** Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:*

- | | |
|----------------------------|--------------------------|
| - Công nhân: 20 % | - Dân tộc thiểu số: 14 % |
| - Nông dân: 21 % | - Quân đội: 9,9 % |
| - Trí thức: 24,9 % | - Phụ nữ: 18 % |
| - Đảng viên: 93 % | - Thanh niên: 11,2 % |
| - Cán bộ chính trị: 20,2 % | |

** Các vị lãnh đạo cơ quan Nhà nước do Quốc hội bầu*

- Chủ tịch HĐNN: Võ Chí Công
- Phó Chủ tịch HĐNN: Nguyễn Hữu Thọ, Huỳnh Tấn Phát, Lê Quang Đạo, Nguyễn Quyết

- Chủ tịch HĐBT: Phạm Hùng (đến 10-3-1988), quyền CTHĐBT Võ Văn Kiệt (từ 3-1988 đến 6-1988), CTHĐBT Đỗ Mười (từ 6-1988 đến 8-1991), Võ Văn Kiệt (từ 8-1991).

- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Phạm Hùng

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Trần Quyết

- Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng: Võ Chí Công

** Các vị lãnh đạo Quốc hội*

- Chủ tịch Quốc hội: Lê Quang Đạo

- Phó Chủ tịch Quốc hội: Trần Độ, Hoàng Trường Minh, Huỳnh Cương, Phùng Văn Tửu, Nguyễn Thị Ngọc Phụng

- Chủ tịch Hội đồng Dân tộc: Đàm Quang Trung

- Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật: Ngô Bá Thành

- Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế - Kế hoạch và Ngân sách:

Vũ Oanh (đến 12-1989); quyền chủ nhiệm: Nguyễn Hòa (từ 1-1990)

- Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa và Giáo dục: Trần Độ

- Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật: Nguyễn Đình Tứ

- Chủ nhiệm Ủy ban Y tế và Xã hội: Nguyễn Thị Thân

- Chủ nhiệm Ủy ban Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng: Vũ Mão (đến 11-1987), Hà Quang Dự (từ 12-1987)

- Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại: Nguyễn Thị Bình

- Chủ tịch Ủy ban Sửa đổi Hiến pháp: Võ Chí Công

** Một số hoạt động nổi bật:*

- Ban hành nhiều bộ luật, đạo luật và pháp lệnh. Trong đó, nhiều luật quan trọng như: Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật doanh nghiệp tư nhân, Luật công ty, Luật thuế doanh thu, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế lợi tức, Bộ luật hàng hải, Luật hàng không dân dụng,...

- Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về việc thành lập Ủy ban sửa đổi Hiến pháp do đồng chí Võ Chí Công làm Chủ tịch, gồm 27 thành viên để tiến hành sửa đổi Hiến pháp 1980 một cách cơ bản và toàn diện, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Hiến pháp mới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội khóa VIII xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 11 năm 1992.

9. Quốc hội khóa IX (1992 - 1997)

Bầu ngày 19-7-1992

Tổng số đại biểu: 395

** Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:*

- Nông nghiệp: 14,68 %

- Đảng viên: 91,6 %

- Công nghiệp: 4,8 %

- Dân tộc thiểu số: 16,79 %

- Luật: 3,8 %

- Quản lý Nhà nước: 31,3 %

- Giáo dục: 6,1 %

- Quân đội: 6,78 %

- Văn học nghệ thuật: 5,08 %

- Phụ nữ: 18,84 %

- Cán bộ chính trị công tác Đảng:

10,94 %

** Các vị lãnh đạo cơ quan Nhà nước do Quốc hội bầu*

- Chủ tịch nước: Lê Đức Anh
- Phó Chủ tịch nước: Nguyễn Thị Bình
- Thủ tướng Chính phủ: Võ Văn Kiệt
- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Phạm Hưng
- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Lê Thanh Đạo (đến 11-1996), Hà Mạnh Trí (từ 11-1990)

- Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh: Lê Đức Anh

** Ủy ban Thường vụ Quốc hội*

- Chủ tịch Quốc hội: Nông Đức Mạnh
- Phó Chủ tịch Quốc hội: Nguyễn Hà Phan, Đặng Quân Thụy, Phùng Văn Tửu
- Chủ tịch Hội đồng Dân tộc: Y Nghông Niêkđăm
- Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật: Hà Mạnh Trí (đến 11-1996), Nguyễn Văn Yếu (từ 11-1996)
- Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế - Kế hoạch và Ngân sách:
Mai Thúc Lân (đến 11-1994); Lý Tài Luận (từ 11-1994)
- Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng và An ninh: Đặng Quân Thụy
- Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng: Trần Thị Tâm Đan
- Chủ nhiệm Ủy ban Các vấn đề xã hội: Nguyễn Thị Thân
- Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường: Vũ Đình Cự
- Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại: Hoàng Bích Sơn

** Một số hoạt động nổi bật:*

- Đây là thời kỳ Quốc hội được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp 1992 đã trải qua gần ba nhiệm kỳ hoạt động.

Hiến pháp mới 1992 vẫn tiếp tục khẳng định Quốc hội có ba chức năng cơ bản: là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp; quyết định những chính sách cơ bản về đối nội, đối ngoại và thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Quốc hội có 14 nhiệm vụ, quyền hạn và quy định “Quốc hội có thể định cho mình những nhiệm vụ và quyền hạn khác, khi xét thấy cần thiết” trong Hiến pháp 1980 đã bị bãi bỏ.

Hiến pháp 1992 đã có sự điều chỉnh quan trọng là lập lại chế định Chủ tịch nước là cá nhân một người và thành lập Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan Thường trực của Quốc hội; lập Hội đồng Quốc phòng và An ninh do Chủ tịch nước là Chủ tịch. Ủy ban Thường vụ Quốc hội gồm có Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các ủy viên. Thành viên của Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thể đồng thời là thành viên Chính phủ. Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện 12 nhiệm vụ, quyền hạn, trong đó có quyền công bố và chủ trì việc bầu cử đại biểu Quốc hội; tổ chức việc chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các kỳ họp Quốc hội; giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh; ra pháp lệnh về những vấn đề Quốc hội giao...

Hiến pháp 1992 quy định Quốc hội bầu Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội và lần đầu tiên quy định “mỗi ủy ban có một số thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách”.

- Việc quy định công dân có quyền tự ứng cử đại biểu Quốc hội và quy định cụ thể về tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội trong Luật bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1992 đánh dấu bước đổi mới quan trọng trong cơ chế bầu cử, tạo cơ sở pháp lý cần thiết bảo đảm phát huy quyền dân chủ của công dân, tạo điều kiện cho những người có đủ tiêu chuẩn thực hiện quyền tự ứng cử, để cử tri lựa chọn, bầu vào Quốc hội, để họ có điều kiện đóng góp trí tuệ và khả năng của mình với Quốc hội, với đất nước.

- Ban hành nhiều đạo luật, luật, pháp lệnh như Luật đất đai, Luật doanh nghiệp nhà nước, Luật hợp tác xã, Luật phá sản doanh nghiệp, Luật công ty (sửa đổi), Luật doanh nghiệp tư nhân (sửa đổi), Luật khuyến khích đầu tư trong nước, các luật về thuế; Luật tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức Chính phủ, Luật tổ chức Tòa án Nhân dân, Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, Luật tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi); Bộ luật lao động, Bộ luật dân sự, Nghị quyết về việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chống buôn lậu...

- Ban hành nhiều pháp lệnh, trong đó đáng chú ý là Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và Pháp lệnh “Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng”.

- Thông qua các nghị quyết về dự toán ngân sách nhà nước; các vấn đề cơ bản về đối nội và đối ngoại...

- Thông qua Nghị quyết về nhiệm vụ, kế hoạch 5 năm (1996-2000).

- Công tác giám sát của Quốc hội cũng đã có những đổi mới nhất định. Đặc biệt là từ năm 1994 đến nay, các phiên chất vấn tại các kỳ họp Quốc hội đã được phát thanh và truyền hình trực tiếp.

10. Quốc hội khóa X (1997 - 2002)

Bầu ngày 20-7-1997

Tổng số đại biểu: 450

** Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:*

- | | |
|--------------------------------|------------------------------|
| - Phụ nữ : 26,2 % | - MTTQ và các tổ chức Đoàn |
| - Dân tộc thiểu số: 17,33 % | thể: 14% |
| - Ngoài Đảng: 15% | - Giáo dục: 4,88% |
| - ĐB trẻ (dưới 40 tuổi): 18,6% | - Y tế: 4% |
| - Các LLVTND: 12,2 % | - Công nghiệp: 4,66 % |
| - Tôn giáo: 0,17 % | - Nông nghiệp, lâm nghiệp và |
| | thủy sản: 3,77 % |

** Các vị lãnh đạo cơ quan Nhà nước do Quốc hội bầu*

- Chủ tịch nước: Trần Đức Lương
- Phó Chủ tịch nước: Nguyễn Thị Bình
- Thủ tướng Chính phủ: Phan Văn Khải
- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Trịnh Hồng Dương
- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Hà Mạnh Trí
- Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh: Trần Đức Lương

** Ủy ban Thường vụ Quốc hội*

- Chủ tịch Quốc hội: Nông Đức Mạnh (đến 6-2001), Nguyễn Văn An (từ 6-2001)
- Phó Chủ tịch Quốc hội: Vũ Đình Cự, Trương Mỹ Hoa, Nguyễn Phúc Thanh, Nguyễn Văn Yếu, Mai Thúc Lân
- Chủ tịch Hội đồng Dân tộc: Cư Hòa Văn
- Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật: Vũ Đức Khiển
- Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Ngân sách: Lý Tài Luận
- Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng và An ninh: Nguyễn Phúc Thanh
- Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng: Trần Thị Tâm Đan
- Chủ nhiệm Ủy ban Các vấn đề xã hội: Nguyễn Thị Thân
- Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường: Vũ Đình Cự
- Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại: Đỗ Văn Tài
- Chủ tịch Ủy ban Dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992: Nguyễn Văn An

** Một số hoạt động nổi bật:*

- Điểm nổi bật tại kỳ họp thứ 10 từ ngày 21-11 đến ngày 25-12-2001, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 51/2001/QH10 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy nhà nước, đổi mới hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý Nhà nước, phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân. Cụ thể là ở Điều 84 của Hiến pháp 1992 đã được bổ sung quy định Quốc hội phân bổ ngân sách Trung ương; còn việc phân bổ ngân sách địa phương thì được giao cho Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh; Quốc hội quyết định chính sách tôn giáo; phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước về danh sách thành viên Hội đồng Quốc phòng và an ninh; bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn; về quyền của Quốc hội phê chuẩn hoặc bãi bỏ điều ước quốc tế do Chủ tịch nước trực tiếp ký.

- Vai trò của Quốc hội được tăng cường trong việc xem xét và quyết định các vấn đề nhân sự cấp cao. Trước năm 2001, Hiến pháp 1980 và Hiến pháp 1992 đều giao cho cơ quan trường trực của Quốc hội là Hội đồng Nhà nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ và báo cáo với Quốc hội tại kỳ họp gần nhất của Quốc hội. Điều khoản sửa đổi của Hiến pháp năm 1992 đã bãi bỏ thẩm quyền này của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để bảo đảm Quốc hội là chủ thể duy nhất có quyền quyết định nhân sự cấp cao của Nhà nước.

- Quốc hội đã ban hành mới các văn bản pháp luật, pháp lệnh về tổ chức bộ máy nhà nước, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ như: Luật tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức Chính phủ, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật tổ chức Tòa án Nhân dân và Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân. Luật về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Luật doanh nghiệp, Luật hải quan, Luật ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

Luật các tổ chức tín dụng, ...; Luật phòng chống ma túy, Pháp lệnh người cao tuổi, Pháp lệnh người tàn tật,...; Luật di sản văn hóa, Luật khoa học công nghệ, Luật tài nguyên nước, Pháp lệnh chất lượng hàng hóa, Pháp lệnh bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng,...

- Thảo luận và quyết định thực hiện 3 dự án quan trọng là Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, Dự án khí - điện - đạm ở Bà Rịa - Vũng Tàu và Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất.

- Quốc hội đã xem xét và thông qua Nghị quyết về việc phê chuẩn “Hiệp ước biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa” tại kỳ họp thứ 7 (tháng 6-2000); Nghị quyết về việc phê chuẩn “Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về quan hệ thương mại song phương” tại kỳ họp thứ 10 (tháng 11-2001).

- Hoạt động đối ngoại của Quốc hội đã được triển khai chủ động trên nhiều địa bàn, với nhiều chủ thể khác nhau nhằm củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị với tất cả các nước, nhất là các nước láng giềng trong khu vực Đông Nam Á; đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động trên các diễn đàn nghị viện đa phương như Tổ chức Liên minh Nghị viện Hiệp hội các nước Đông Nam Á (AIPO), Liên minh Nghị viện thế giới (IPU); Hiệp hội các Nghị viện châu Á vì hòa bình (AAPP); Liên minh Nghị viện cộng đồng Pháp ngữ (APF); Diễn đàn Nghị sĩ châu Á - Thái Bình Dương (APPF); Diễn đàn Nghị sĩ châu Á về dân số và phát triển (AFPDD).

11. Quốc hội khóa XI (2002 - 2007)

Bầu ngày 19-5-2002

Tổng số đại biểu: 498

** Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:*

- | | |
|--|--|
| - Khối Doanh nghiệp: 5,02 % | - Phụ nữ: 27,31 % |
| - LLVT: 11 % | - Tôn giáo: 1,40% |
| - Tự ứng cử: 0,40 % | - Đại biểu trẻ (dưới 40 tuổi): 11,24 % |
| - Đại biểu chuyên trách: 23,7 % | - Trình độ ĐH và trên ĐH: 93,37% |
| - Dân tộc thiểu số (32 dân tộc): 17,27 % | - Người ngoài Đảng: 10,24 % |

** Các vị lãnh đạo cơ quan Nhà nước do Quốc hội bầu*

- Chủ tịch nước: Trần Đức Lương
- Phó Chủ tịch nước: Trương Mỹ Hoa
- Thủ tướng Chính phủ: Phan Văn Khải
- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Nguyễn Văn Hiến
- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Hà Mạnh Trí
- Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh: Trần Đức Lương

** Ủy ban Thường vụ Quốc hội*

- Chủ tịch Quốc hội: Nguyễn Văn An
- Phó Chủ tịch Quốc hội: Trương Quang Được, Nguyễn Phúc Thanh, Nguyễn Văn Yếu
- Chủ tịch Hội đồng Dân tộc: Tráng A Pao

- Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật: Vũ Đức Khiển
- Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế, Ngân sách: Nguyễn Đức Kiên
- Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng và An ninh: Nguyễn Phúc Thanh
- Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng: Trần Thị

Tâm Đan

- Chủ nhiệm Ủy ban Các vấn đề xã hội: Nguyễn Thị Hoài Thu
- Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường: Hồ Đức Việt
- Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại: Vũ Mão

**Một số hoạt động nổi bật:*

- Để thực hiện tốt hơn nữa các nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã quyết định thành lập 3 cơ quan chuyên môn trực thuộc là Ban công tác lập pháp, Ban công tác đại biểu và Ban dân nguyện.

- Hoạt động lập pháp: Ban hành nhiều văn bản luật và pháp lệnh. Trong đó, phải kể đến các văn bản luật quan trọng như: Luật ngân sách nhà nước; Luật thống kê và Luật kế toán; Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi), Luật đất đai (sửa đổi), Luật doanh nghiệp nhà nước (sửa đổi), Luật hợp tác xã (sửa đổi), Luật xây dựng, Luật thủy sản, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi), Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (sửa đổi), Luật thi đua, khen thưởng, Luật Xuất bản.

- Lần đầu tiên Quốc hội đã thông qua Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004.

- Quốc hội đã thực hiện có kết quả chức năng quyết định các vấn đề quan trọng như bầu Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; phân bổ ngân sách trung ương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước mới năm 2003.

- Quốc hội đã xem xét, quyết định phương án xây dựng công trình Nhà máy thủy điện Sơn La.

- Ban hành Nghị quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp từ năm 2003; Nghị quyết về việc phê chuẩn “Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của hai nước trong vùng vịnh Bắc Bộ”; Nghị quyết về giáo dục; Nghị quyết về chủ trương xây dựng đường Hồ Chí Minh; Nghị quyết về tập trung chỉ đạo xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất...

- Hoạt động giám sát của Quốc hội khóa XI cũng được tăng cường hơn trước. Ngoài việc tiến hành giám sát như nghe báo cáo về tình hình hoạt động của các cơ quan nhà nước Trung ương, chất vấn tại kỳ họp, Quốc hội đã nghe báo cáo giám sát chuyên đề do Ủy ban Thường vụ tiến hành về các vấn đề gây bức xúc như chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư, xây dựng cơ bản; công tác giáo dục... Quốc hội đã ban hành Luật hoạt động giám sát của Quốc hội (tháng 6-2003) nhằm cụ thể hóa chức năng giám sát tối cao của Quốc hội, của các cơ quan của Quốc hội, của các đại biểu Quốc hội và các đoàn đại biểu Quốc hội.

- Hoạt động đối ngoại của Quốc hội tiếp tục được tăng cường cả trong quan hệ song phương và tại các diễn đàn nghị viện đa phương. Lần đầu tiên Quốc hội nước ta tổ chức thành công *Diễn đàn đối tác Nghị viện Á - Âu ASEP* lần thứ ba (ASEP3) tại thành phố Huế, tháng 3-2004 với sự tham dự của 120 đại biểu đến từ 7 nước ASEAN và 15 nước thuộc Liên minh

châu Âu (EU), cùng 3 đối tác ASEAN là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc. Diễn đàn này được tiến hành với chủ đề hướng tới một nền thương mại bình đẳng hơn; đồng thời, thúc đẩy giao lưu và đa dạng văn hóa trong khuôn khổ đối tác Á - Âu. Tiếp đó, Quốc hội nước ta tổ chức thành công Hội nghị thường niên lần thứ 13 *Diễn đàn Nghị viện các Quốc gia châu Á - Thái Bình Dương* (APPF) 13 tại Quảng Ninh vào tháng 1-2005 với sự tham gia của 275 nghị viên đến từ 23 nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Tháng 9-2005, Chủ tịch Nguyễn Văn An đã dẫn đầu Đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam tham dự Hội nghị toàn thể giới lần thứ hai những người đứng đầu các cơ quan lập pháp các nước được tổ chức tại trụ sở Đại hội đồng Liên hợp quốc ở New York

12. Quốc hội khóa XII (2007-2011)

Bầu ngày 20 tháng 5 năm 2007

Tổng số đại biểu: 493

** Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:*

- | | |
|----------------------------------|---------------------------------------|
| - Phụ nữ: 25,76% | - ĐB chuyên trách ở TW: 15,8% |
| - Độ tuổi ≤ 40 tuổi: 13,79% | - ĐB chuyên trách ở địa phương: 13,6% |
| - ĐH và trên ĐH: 95,99% | - Đảng viên: 91,28% |
| - ĐB tái cử: 27,59% | - Ngoài Đảng: 8,72% |
| - ĐB tự ứng cử: 0,2% | - Dân tộc thiểu số: 17,65% |
| - Tôn giáo: 0,8% | - Khối doanh nghiệp: 3,2% |

** Các vị lãnh đạo cơ quan Nhà nước do Quốc hội bầu:*

- Chủ tịch nước: Nguyễn Minh Triết
- Phó Chủ tịch nước: Nguyễn Thị Doan
- Thủ tướng Chính phủ: Nguyễn Tấn Dũng
- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Trương Hòa Bình
- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Trần Quốc Vượng.

** Ủy ban Thường vụ Quốc hội:*

- Chủ tịch Quốc hội: Nguyễn Phú Trọng
- Phó Chủ tịch Quốc hội: Tòng Thị Phóng, Nguyễn Đức Kiên, Ưông Chu Lưu, Huỳnh Ngọc Sơn
- Chủ tịch Hội đồng Dân tộc: Ksor Phước
- Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại: Nguyễn Văn Sơn
- Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp: Lê Thị Thu Ba
- Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng: Đào Trọng Thi
- Chủ nhiệm Ủy ban Về các vấn đề xã hội: Trương Thị Mai
- Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính, Ngân sách: Phùng Quốc Hiển

Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường: Đặng Vũ Minh

- Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng - An ninh: Lê Quang Bình

- Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế: Hà Văn Hiến

- Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật: Nguyễn Văn Thuận

** Một số hoạt động nổi bật:*

- Hoạt động lập pháp: Số lượng các luật, pháp lệnh và nghị quyết có chứa quy phạm pháp luật được thông qua cũng tăng lên, đã góp phần thể chế hóa kịp thời, đúng đắn đường lối của Đảng, nâng cao hiệu lực và hiệu quả điều hành, quản lý của Nhà nước. Trong nhiệm kỳ, Quốc hội khóa XII đã xây dựng và thông qua 68 luật (gồm cả 4 luật dự kiến thông qua tại kỳ họp thứ 9), trong đó, năm 2007 thông qua 8 luật; năm 2008: 19 luật; năm 2009: 18 luật; năm 2010: 19 luật và năm 2011: 4 luật. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã xây dựng và ban hành được 13 pháp lệnh và 7 nghị quyết có chứa quy phạm pháp luật.

- Hoạt động giám sát được tăng cường thông qua việc sử dụng nhiều phương thức tổng hợp, sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan Quốc hội. Nội dung giám sát tập trung vào những vấn đề bức xúc của cuộc sống; thảo luận, ra nghị quyết và giám sát việc thực hiện các nghị quyết đã được thông qua. Trong 9 kỳ họp, Quốc hội khóa XII đã xem xét 159 báo cáo các loại (báo cáo của Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, các bộ, ngành...). Quốc hội đã giám sát 7 chuyên đề, trong đó có chuyên đề “nóng” như: Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn nhà nước ở các bộ, ngành, địa phương từ năm 2005 đến năm 2007; những chuyên đề vừa mang tính cấp bách vừa mang tính lâu dài như: Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm; Việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực liên quan trực tiếp đến công dân và doanh nghiệp theo chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 – 2010.

- Quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, trong nhiệm kỳ, Quốc hội đã quyết định 32 vấn đề trọng đại; đặc biệt là các quyết định về kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước và công trình dự án quốc gia, nhiều quyết định có chất lượng hơn, bám sát và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Trong đó, có nhiều quyết định rất quan trọng như: quyết định về bộ máy nhà nước và nhân sự cấp cao trong bộ máy; quyết định về chủ trương đầu tư các dự án nhà máy thủy điện Lai Châu, nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận; quyết định giảm, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp cho nông dân; quyết định điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội và một số tỉnh có liên quan,...

- Hoạt động đối ngoại đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần quan trọng trong việc nâng cao vị thế của đất nước Việt Nam, Quốc hội Việt Nam trên trường quốc tế,...

13. Quốc hội khóa XIII (2011 - 2016)

Bầu ngày 22 tháng 5 năm 2011

Tổng số đại biểu: 500. Hiện nay: 498 (gồm 01 đại biểu từ trần và 01 đại biểu bị Quốc hội bãi nhiệm)

**Cơ cấu thành phần của Quốc hội như sau:*

- Phụ nữ: 24,4%
- Tuổi (dưới 40 tuổi): 12,2% (đại biểu trẻ nhất: 25 tuổi)
- Trình độ đại học: 52,6%
- Trình độ trên đại học: 45,6%
- ĐB tự ứng cử: 0,8%
- Tôn giáo: 1,2%
- ĐB chuyên trách ở TW: 18,2%
- ĐB chuyên trách ở địa phương: 12,6%
- ĐB tham gia lần đầu: 66,6%
- Ngoài Đảng: 8,4%
- Dân tộc thiểu số: 15,6%

** Các vị lãnh đạo cơ quan Nhà nước do Quốc hội bầu:*

- Chủ tịch nước: Trương Tấn Sang
- Phó Chủ tịch nước: Nguyễn Thị Doan
- Thủ tướng Chính phủ: Nguyễn Tấn Dũng
- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Trương Hòa Bình
- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Nguyễn Hòa Bình

** Ủy ban Thường vụ Quốc hội*

- Chủ tịch Quốc hội: Nguyễn Sinh Hùng
- Phó Chủ tịch Quốc hội: Ưông Chu Lưu, Nguyễn Thị Kim Ngân, Tòng Thị Phóng, Huỳnh Ngọc Sơn
- Chủ tịch Hội đồng Dân tộc: Ksor Phước
- Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật: Phan Trung Lý
- Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp: Nguyễn Văn Hiến
- Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế: Nguyễn Văn Giàu
- Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính-Ngân sách: Phùng Quốc Hiển
- Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng - An ninh: Nguyễn Kim Thoa
- Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng: Đào Trọng Thi
- Chủ nhiệm Ủy ban Về các vấn đề xã hội: Trương Thị Mai
- Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường: Phan Xuân Dũng
- Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại: Trần Văn Hăng
- Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội: Nguyễn Hạnh Phúc
- Trưởng Ban Công tác đại biểu: Nguyễn Thị Nương

- Chủ nhiệm Ủy ban Về các vấn đề xã hội: Trương Thị Mai
- Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường: Phan Xuân Dũng
- Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại: Trần Văn Hăng
- Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội: Nguyễn Hạnh Phúc
- Trưởng Ban Công tác đại biểu: Nguyễn Thị Nương

** Một số hoạt động nổi bật:*

- Quốc hội quyết định những vấn đề quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước; tái cơ cấu nền kinh tế; về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở, an sinh xã hội, chủ quyền biển đảo, đổi mới giáo dục và đào tạo,...

- Thông qua nhiều nghị quyết quan trọng như: Nghị quyết về chủ trương đầu tư xây dựng dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành; Nghị Quyết về việc thực hiện chính sách hưởng bảo hiểm xã hội một lần đối với người lao động; Thông qua nghị quyết về việc lấy

phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, HĐND bầu hoặc phê chuẩn;...

- Chỉ ra những yếu kém, tồn tại trong các ngành, lĩnh vực, dự báo nguy cơ tiềm ẩn, cản trở sự phát triển, nhất là trong bối cảnh chủ quyền Biển đảo Việt của Việt Nam đang bị đe dọa nghiêm trọng, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Trên cơ sở đó, Quốc hội đã yêu cầu Chính phủ, các ngành, các cấp cùng cả hệ thống chính trị vào cuộc bằng các giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, nâng cao hiệu quả, chất lượng, sức cạnh tranh, thực hiện thành công tái cơ cấu và chuyển đổi, mở rộng hợp tác, hội nhập, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, kiên quyết đấu tranh giữ vững môi trường hòa bình ổn định phát triển đất.

- Hoạt động lập pháp: Thông qua nhiều dự án luật và luật quan trọng như: Luật Bảo hiểm tiền gửi, Luật giáo dục đại học, Luật Biển Việt Nam, Luật Quảng cáo, Luật Giám định tư pháp, Luật quân nhân chuyên nghiệp và công nhân viên chức quốc phòng, Luật Bảo hiểm xã hội, ...Trong đó, nổi bật nhất là, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi) (2013) và nhiều chính sách mới được ban hành nhằm cụ thể hóa Hiến pháp (sửa đổi),...

- Hoạt động chất vấn của Quốc hội tiếp tục được đổi mới bằng việc các bộ trưởng trả lời ngay những vấn đề nêu ra thay vì đi sâu “báo cáo thành tích” của ngành như các khóa trước. Người dân có thể theo dõi thông qua truyền hình, phát thanh trực tiếp. Nhiều vấn đề được làm sáng tỏ ngay tại nghị trường, giải tỏa bức xúc, lo lắng của cử tri, chẳng hạn như: bãi bỏ những khoản phí vô lí, ảnh hưởng đến doanh nghiệp và người dân, ...

- Hoạt động đối ngoại: Quốc hội Việt Nam tiếp tục thực hiện chủ trương hội nhập toàn diện, quan hệ ngoại giao ngày càng được mở rộng, triển khai toàn diện, đồng bộ trên nhiều kênh, nhiều lĩnh vực, từng bước đưa các mối quan hệ quốc tế đi vào chiều sâu, góp phần thúc đẩy thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, chiến lược toàn diện, đối tác toàn diện trên thế giới. Không chỉ mở rộng quan hệ với tất cả các nước, Việt Nam còn là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, không chỉ tham gia các hoạt động liên quan đến lợi ích quốc gia, dân tộc mà còn tham gia cả những vấn đề toàn cầu của thế giới.

VI. CÁC VỊ ĐỨNG ĐẦU QUỐC HỘI (1946 - 2015)

1. Nguyễn Văn Tố

- Trưởng ban thường trực Quốc hội (1946)

- Sinh ngày: 5-6-1889

- Quê quán: làng Đông Thành, nay là phố Bát Sứ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Đại biểu Quốc hội khóa I

- Ứng cử tại Nam Định

- Chức vụ cao nhất đã kinh qua trong cơ quan Đảng, Nhà nước,

Mặt trận, Đoàn thể: Trưởng ban thường trực Quốc hội khóa I (2/3/1946-9/11/1946); Bộ trưởng Bộ Cứu tế xã hội chính phủ lâm thời, Chính phủ liên hiệp lâm thời, Bộ trưởng không bộ chính phủ kháng chiến nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Hy sinh ngày: 7-10-1947, tại thị trấn Bắc Kạn.

2. Bùi Bằng Đoàn

- Trưởng ban thường trực Quốc hội (1946 - 1955)

- Sinh ngày: 17-9-1889
- Quê quán: làng Liên Bạt Chùa, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông (nay là tỉnh Hà Tây)
- Đại biểu Quốc hội khóa I
- Ứng cử tại Hà Tây
- Chức vụ cao nhất đã kinh qua trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, Đoàn thể: Trưởng ban thường trực Quốc hội khóa I (1946 - 1955); Trưởng ban thanh tra Chính phủ (1945 - 1946).
- Từ trần ngày: 13-4-1955.

3. Tôn Đức Thắng

- Trưởng ban thường trực Quốc hội (1955 - 1960)
- Sinh ngày: 20-8-1888
- Quê quán: Cù Lao Ông Hồ, thị trấn Long Xuyên (nay là xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên), tỉnh An Giang.
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam
- Đại biểu Quốc hội khóa I, II (lưu nhiệm), III (lưu nhiệm), IV, V, VI
- Ứng cử tại Sài Gòn- Chợ Lớn (khóa I), Hà Nội (khóa IV, V, VI)
- Chức vụ cao nhất đã kinh qua trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, Đoàn thể: Ủy viên BCHTW Đảng; Chủ tịch nước kiêm Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng, Trưởng ban thường trực Quốc hội, Chủ tịch đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch danh dự Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Chính phủ kháng chiến.
- Từ trần ngày: 30-3-1980, tại Hà Nội.

4. Trường Chinh

- Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội
- Sinh ngày: 9-2-1907
- Quê quán: làng Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam
- Đại biểu Quốc hội khóa II, III, IV, V, VI, VII
- Ứng cử tại Hà Nội
- Chức vụ cao nhất đã kinh qua trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, Đoàn thể: Tổng Bí thư BCHTW Đảng, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước kiêm Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ.
- Từ trần ngày: 30-9-1988, tại Hà Nội.

5. Nguyễn Hữu Thọ

- Chủ tịch Quốc hội (1981 - 1987)
- Sinh ngày: 10-7-1910
- Quê quán: làng Long Phú, huyện Bến Lức (nay là thị trấn Bến Lức), tỉnh Long An
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam
- Đại biểu Quốc hội khóa VI, VII, VIII
- Ứng cử tại thành phố Hồ Chí Minh

- Chức vụ cao nhất đã kinh qua trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, Đoàn thể: Quyền Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng cố vấn CPCMLT Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch UBMTDTGP miền Nam Việt Nam, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch UBTWMTTQ Việt Nam.

- Từ trần ngày: 24-12-1996, tại Tp. Hồ Chí Minh.

6. Lê Quang Đạo

- Chủ tịch Quốc hội (1987 - 1992)

- Sinh ngày: 8-8-1921

- Quê quán: xã Đình Bảng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh

- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam

- Đại biểu Quốc hội khóa VIII, IX, X

- Ứng cử tại Hà Nội (khóa VIII, IX), Bắc Ninh (khóa X)

- Chức vụ cao nhất đã kinh qua trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, Đoàn thể: Ủy viên BCHTW Đảng, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch UBTWMTTQ Việt Nam.

- Từ trần ngày: 24-7-1999, tại Hà Nội.

7. Nông Đức Mạnh

- Chủ tịch Quốc hội (1992 - 2001)

- Sinh ngày: 11-9-1940

- Quê quán: xã Cường Lợi, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn

- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam

- Đại biểu Quốc hội khóa VIII, IX, X, XI

- Chức vụ cao nhất đã kinh qua trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, Đoàn thể: Chủ tịch Quốc hội; Tổng Bí thư BCHTW Đảng khóa (IX).

8. Nguyễn Văn An

- Chủ tịch Quốc hội (2001 - 2007)

- Sinh ngày: 1-10-1937

- Quê quán: xã Mỹ Tân, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định

- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam

- Đại biểu Quốc hội khóa VII, X, XI

- Ứng cử tại Hà Nam Ninh (khóa VII), Ninh Bình (khóa X), Đà Nẵng (khóa XI)

- Chức vụ cao nhất đã kinh qua trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, Đoàn thể: Ủy viên Bộ Chính trị BCHTW Đảng; Trưởng Ban Tổ chức TW Đảng; Chủ tịch Quốc hội (khóa XI).

9. Nguyễn Phú Trọng

- Chủ tịch Quốc hội (2006 - 2011)

- Sinh ngày 14 tháng 4 năm 1944

- Quê quán xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam

- Đại biểu Quốc hội các khóa XI, XII

- Chức vụ cao nhất đã kinh qua trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, Đoàn thể: Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản; Ủy viên Bộ Chính trị các khóa VIII, IX, X; tham gia Thường trực Bộ Chính trị (8-1999/4-2001); Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương, phụ trách công tác lý luận của Đảng; Bí thư Thành ủy Hà Nội, Bí thư Đảng đoàn Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Hội đồng Quốc phòng và an ninh.

- Nay là Tổng Bí thư BCHTW Đảng khóa XI.

10. Nguyễn Sinh Hùng

- Chủ tịch Quốc hội (2011 - 2016)

- Sinh ngày 18 tháng 1 năm 1946

- Quê quán xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An

- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam

- Đại biểu Quốc hội các khóa X, XI, XII, XIII

- Chức vụ cao nhất đã kinh qua trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, Đoàn thể: Bộ trưởng Bộ Tài chính, Phó Thủ tướng Thường trực; Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Đảng đoàn, Ủy viên Hội đồng Quốc phòng và An ninh

- Nay là Chủ tịch Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII.

PHẦN 2:
DANH MỤC TÀI LIỆU VỀ QUỐC HỘI VIỆT NAM

1. **60 năm Quốc hội Việt Nam 1946 - 2006.**-H.: *Thông tấn, 2006.-345tr.;29cm.*
34(V)(09) / V 8311 - 12
Cuốn sách ảnh “60 năm Quốc hội Việt Nam 1946-2006”, phản ánh toàn diện, có hệ thống quá trình ra đời, phát triển về mặt tổ chức và những hoạt động chủ yếu của Quốc hội Việt Nam qua 11 khóa hoạt động từ năm 1946 đến năm 2006.
2. **60 năm Quốc hội Việt Nam: Tài liệu phục vụ tuyên truyền nhân kỷ niệm 60 năm ngày Tổng tuyển cử đầu tiên (6/1/1946-6/1/2006) .**-H.:*Chính trị quốc gia,2005.-159tr.;19cm*
34(V)(09) / 70536
Tài liệu phục vụ tuyên truyền nhân kỷ niệm 60 năm ngày Tổng tuyển cử đầu tiên (6/1-1946-6/1/2006), ghi lại những chặng đường hoạt động, phát triển của Quốc hội, những thành tựu và kinh nghiệm trong 60 năm qua.
3. **Bàn về lập hiến/Phạm Văn Hùng.**-H.:*Lao động,2010.-563tr.;24cm*
34(V) / V 12151
Cuốn sách giới thiệu những bài viết tiêu biểu, những vấn đề lý luận chung về lập hiến như Hiến pháp trong đời sống xã hội, nội dung cơ bản của Hiến pháp,...; việc xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp ở Việt Nam; kinh nghiệm lập hiến ở nước ngoài.
4. **Bàn về pháp luật và pháp chế Việt Nam/Viện kiểm sát nhân dân tối cao.**-H: *Sự thật, 1964.-64tr.; 18cm.*
34(V) / 3484
Giới thiệu những nét cơ bản về nền pháp chế của Việt Nam như khái niệm về pháp luật và pháp chế, tình hình phát triển của nền pháp chế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, tác dụng của pháp chế xã hội chủ nghĩa trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, tăng cường nền pháp chế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.
5. **Báo cáo về dự thảo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam/Trương Chinh.**-H: *Sự thật, 1981.-73tr.; 19cm.*
34(V) / 30976
Trong bản báo cáo, đồng chí Trương Chinh nêu rõ tinh thần hăng hái, ý thức làm chủ của công dân đã tham gia thảo luận và góp ý kiến xây dựng Hiến pháp; những việc quan trọng trước mắt phải làm để bảo đảm cho Hiến pháp mới được thi hành nghiêm chỉnh; tác giả yêu cầu mỗi công dân nước ta sống có luật pháp và bằng hành động cách mạng cụ thể, làm việc có hiệu quả cao nhất, tốt nhất cho đất nước; tác giả còn nhấn mạnh sự cần thiết phải có Hiến pháp, nội dung cơ bản của dự thảo Hiến pháp.
6. **Bộ máy Nhà nước Việt Nam theo các Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992 và 1992 sửa đổi/Chủ biên: Nguyễn Đăng Dung.**-H.:*Viện Thông tin KHXH,2005.-169tr.*
34(V)01 / T 21092
Giới thiệu tổng quan bộ máy Nhà nước Việt Nam về việc quy định tổ chức bộ máy

Nhà nước trong các Hiến pháp: năm 1946, 1959, 1980, 1992. Sự ra đời của Hiến pháp; sự phát triển về mặt lý luận và thực tiễn về tổ chức bộ máy Nhà nước trong các giai đoạn của Hiến pháp.

7. **Các biên bản họp Hội đồng Chính phủ từ ngày 20-9-1945 đến ngày 31-12-1945.**-H.: *Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh, 1991.-263tr.; 28cm*

34(V)122 / T 13457

Trích yếu nội dung các biên bản họp Hội đồng Chính phủ từ ngày 20 tháng 9 đến ngày 31 tháng 12 năm 1945.

8. **Các luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Từ năm 1992 đến năm 1999).**-H.: *Chính trị quốc gia, 2000.-1837tr.*

34(V) / V 5933 - 34

Gồm 60 Luật ban hành từ năm 1992 đến năm 1999 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (trong đó có Bộ luật Lao động, Bộ luật Dân sự và Bộ luật Hình sự).

9. **Các Luật Tổ chức Nhà nước Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.**-H.: *Chính trị quốc gia, 1995.-227tr.;19cm.; 27cm.*

34(V) / 43702-03

Giới thiệu các Luật Tổ chức Nhà nước Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ nước CHXHCNVN, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi), Pháp lệnh Tổ chức Tòa án Quân sự, Pháp lệnh Tổ chức Viện Kiểm sát Quân sự,...

10. **Các luật và pháp lệnh về lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự - an toàn xã hội và đối ngoại.**-H., 2002.-1240tr.; 22cm.

34(V) / 53113 - 14

Cuốn sách cung cấp các luật và pháp lệnh về lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự - an toàn xã hội và đối ngoại, là tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập và thực thi pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực nói trên.

11. **Các luật, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XI năm 2002- 2003.**-H.: *Chính trị quốc gia, 2004.-1025trr.; 24cm.*

34(V)042.1 / V 7201 - 02

Trong các năm 2002-2003, Quốc hội khóa XI nước ta và Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI đã ban hành, thông qua được nhiều văn bản pháp luật quan trọng. Cuốn sách giới thiệu các luật, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI năm 2002-2003.

12. **Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.**-H: *Pháp lý, 1987.-267tr.-19cm.*

34(V) / 38721

Khái niệm về hệ thống pháp luật, nội dung cơ bản các ngành luật trong hệ thống pháp luật của Việt Nam, bao gồm các ngành luật: Luật Nhà nước, Luật Hành chính, Luật Lao động, Luật Tài chính, Luật Kinh tế, Luật Đất đai...Trong mỗi phần, các tác giả giới thiệu những vấn đề lý luận chung: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, các nguyên tắc cơ bản và một số chế định chủ yếu của từng ngành luật.

13. **Các pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước CHXHCNVN (Từ năm 1993 đến tháng 6 năm 1999).**-H.: *Chính trị quốc gia*, 1999.-845tr.;24cm.
34(V) / V 5931 - 32
Giới thiệu các pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1993 đến tháng 6 năm 1999.
14. **Các văn bản pháp luật về tổ chức bộ máy Nhà nước Việt Nam.**-H.: *Chính trị quốc gia*, 1994.-868tr.;24cm.
34(V) / V 5111 - 12
Tập hợp những quy định của Hiến pháp, các luật tổ chức Quốc hội, Chính phủ, Tòa án, Viện kiểm sát, các Nghị định tổ chức, hoạt động của các ngành các cấp và nhiều văn bản pháp luật khác có liên quan đến vấn đề này.
15. **Chế độ bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính: Theo sắc luật số 004-SLT ngày 20-7-1957 /Lâm Quang Thụ.**-H.: *Phổ thông*,1958.-52tr.;19cm
34(V) / 5070
Nội dung tài liệu gồm hai phần: Phần thứ nhất: Chế độ bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính (được trình bày dưới hình thức vấn đáp những điểm chính của sắc luật); Phần thứ hai: Các văn bản (Sắc lệnh số 107-SL/Lq ngày 10-10-1957 ban bố nghị quyết của Quốc hội; Sắc luật số 004-SLt ngày 20-7-1957 quy định thể lệ bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp...).
16. **Chính quyền nhân dân/Ngân Hà.**-H: *Sự thật*, 1952.- 51tr.;17cm.
34(V) / 16829
Gồm các nội dung: khái niệm về chính quyền; sức mạnh của chính quyền nhân dân; củng cố chính quyền nhân dân.
17. **Chính quyền và Nhà nước dân chủ nhân dân Việt Nam/Phạm Văn Đồng.**-H: *Sinh hoạt nội bộ*, 1950.-29tr.; 17 cm.
34(V) / 939
Nội dung bản thuyết trình của đồng chí Phạm Văn Đồng về chính quyền và Nhà nước Dân chủ nhân dân Việt Nam tại Hội nghị toàn quốc lần thứ III ngày 21-1 đến ngày 2-2-1950. Bản thuyết trình gồm 2 phần: Phần thứ nhất: Nhận thức và chủ trương; Phần thứ hai: Chính đôn sự lãnh đạo chính quyền của Đảng.
18. **Chủ tịch Hồ Chí Minh sự nghiệp xây dựng nhà nước kiểu mới và pháp luật ở Việt Nam/Nguyễn Ngọc Minh.**-H: *Khoa học xã hội*, 1982.-107tr.;19cm
34(V) / 32135
Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước kiểu mới và pháp luật ở Việt Nam, với những thành tựu rực rỡ mà nhân dân ta đã đạt được trong lĩnh vực này dưới sự lãnh đạo vô cùng sáng suốt của Người và của Đảng. Cuốn sách gồm 4 chương: Chương I: Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã sáng suốt tuyệt vời trong việc lựa chọn kiểu cách mạng và kiểu Nhà nước. Chương II: Bước phát triển thứ nhất: Nhà nước và pháp luật của Việt Nam trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1945-1954). Chương III: Bước phát triển thứ hai: Nhà nước và pháp luật của Việt Nam trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ

nhân dân ở miền Nam (1954-1975). Chương IV: Bước phát triển thứ ba: Nhà nước và pháp luật của Việt Nam trong thời kỳ cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội (từ 1976 trở đi). Chương V: Mấy nhận xét và kinh nghiệm.

19. **Chủ tịch Hồ Chí Minh với Quốc hội (1946 - 1969)/Văn Thị Thanh Mai.-H.:Chính trị quốc gia,2011.-287tr.;21cm**

3K5H6 / 70655, 70656

Tập trung mô tả, đi sâu trình bày nhận thức của Hồ Chí Minh về Quốc hội, hệ thống quan điểm của Người về việc xây dựng Quốc hội trong tổ chức bộ máy Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ năm 1946 đến năm 1969, từ đó luận giải, làm rõ vai trò của Hồ Chí Minh trong quá trình sáng lập, hoạt động của Quốc hội theo tư tưởng quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; phân tích vai trò của Hồ Chí Minh với Quốc hội trong việc thực hiện nhiệm vụ lập hiến, lập pháp, đặc biệt là quá trình xây dựng Hiến pháp năm 1946 và năm 1959 cùng các đạo luật và sắc lệnh; làm rõ sự phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh về việc thực hiện quyền lực của nhân dân trong tổ chức bộ máy Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; trình bày khái quát những hoạt động chính của ba nhiệm kỳ Quốc hội khóa I, II, III. Đồng thời, cuốn sách cũng khẳng định vai trò, những đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh trong hoạt động đối nội, đối ngoại của đất nước thời kỳ này.

20. **Chủ tịch Hồ Chí Minh với Quốc hội và Hội đồng nhân dân.-H.:Chính trị quốc gia,2001.-521tr.;22cm**

3K5H2 / 69809

Tập hợp các bài nói, bài viết, các diễn văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Quốc hội và Hội đồng nhân dân, từ năm 1945 đến 1968. Cuốn sách được chia làm 4 phần:

Phần thứ nhất: Đối với Quốc hội

Phần thứ hai: Đối với Quốc hội, Nghị viện, nghị sĩ một số nước trên thế giới.

Phần thứ ba: Đối với chính quyền địa phương.

Phần thứ tư: Các sắc lệnh, pháp lệnh, luật do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký liên quan đến hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946 và năm 1959.

21. **Chủ tịch Hồ Chí Minh với xây dựng Nhà nước và công tác cán bộ/Lê Duy Truy.-H.:Tư pháp,2006.-750tr.;24cm**

3K5H6 / V 9129 - 30, M 128596 - 97

Cuốn sách gồm ba phần:

Phần thứ nhất: Một số tư liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh với xây dựng Nhà nước và công tác cán bộ.

Phần thứ hai: Một số bài viết và bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước và công tác cán bộ (Tuyên ngôn độc lập; những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa...)

Phần thứ ba: Các văn bản pháp luật do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành (Sắc lệnh ấn định cuộc tổng tuyển cử ngày 17/10/1945, Sắc lệnh số 71 ngày 02/12/1945...)

22. **Chủ tịch Tôn Đức Thắng - Cuộc đời và sự nghiệp: 122 năm kỷ niệm ngày sinh (20/8/1888 - 20/8/2010) .-H.:Văn hoá thông tin, 2009.-203tr;26cm.**

3KV1(092) / V 10719, V 10720

Với những hình ảnh được trình bày trong từng phần của của cuốn sách đã tái hiện được những nét chính yếu về cuộc đời, sự nghiệp, những cống hiến và đạo đức cách mạng cao đẹp của cố Chủ tịch Tôn Đức Thắng.

23. **Đại biểu Quốc hội - Những điều cần biết.-** H.: Văn phòng Quốc hội, 2007.- 183tr.; 25cm

34(V)042.1 / V 12126

Cung cấp những thông tin khái quát và hệ thống về hoạt động Quốc hội cho những đại biểu Quốc hội mới làm nhiệm vụ lần đầu tiên. Cuốn sách tập trung vào năm nội dung lớn: Tính chất và tổ chức của Quốc hội; chức năng, vai trò của Quốc hội và đại biểu Quốc hội; thủ tục và quy trình hoạt động; các nguồn lực hỗ trợ Quốc hội và đại biểu Quốc hội; tiến tới tính chuyên nghiệp. Kèm theo những thông tin về kỹ năng và kinh nghiệm hoạt động đại biểu.

24. **Đại biểu Quốc hội chuyên trách khóa XII 2007 - 2011.-** H.: Ban công tác đại biểu, 2008.-190tr.; 21cm

34(V)042.1 / 69796

Đăng ảnh và tiểu sử tóm tắt của các đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương và chuyên trách ở địa phương khoá XII 2007-2011.

25. **Đại biểu Quốc hội từ khoá I đến khoá X/Biên soạn:** Phan Trung Lý, Trần Văn Tám, Lê Thị Kim Hoa.-H.: Chính trị quốc gia, 2002.-1037tr.; 30cm.

34(V)0421 / V 7169

Nội dung cuốn sách gồm: ảnh chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh; Trưởng Ban thường trực Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội các khóa; đại biểu Quốc hội từ khóa I đến khóa X theo thứ tự A, B, C...; đại biểu Quốc hội từ khóa I đến khóa X theo địa phương nơi ứng cử; các cơ quan lãnh đạo Nhà nước do Quốc hội bầu từ khóa I đến khóa X.

Cuốn sách là một công trình lịch sử quan trọng ghi lại một cách trân trọng tên tuổi các đại biểu đã tham gia hoạt động trong cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước ta.

26. **Đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Quốc hội/Phan Trung Lý chủ biên.-** H.: Chính trị quốc gia, 2011.- 382tr.; 21cm

34(V)041.1 / 69819

Cuốn sách cung cấp những nội dung cơ bản về đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Quốc hội ở nước ta trên cơ sở phân tích địa vị pháp lý của đại biểu Quốc hội, lịch sử quá trình bầu cử các khoá Quốc hội, quy trình, kỹ năng cần thiết để đại biểu Quốc hội thực hiện tốt nhiệm vụ đại biểu của mình, đồng thời gợi mở những vấn đề cần tiếp tục đổi mới, hoàn thiện trong quy trình bầu cử và hoạt động của đại biểu Quốc hội.

27. **Đại biểu quốc khoá XI 2002 - 2007.-** H.: Văn phòng Quốc hội, 2002.-241tr.; 21cm

34(V)042.1 / 69803

Giới thiệu ảnh và tiểu sử tóm tắt của các đại biểu Quốc hội khoá XI 2002-2007, danh sách đại biểu Quốc hội, Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Hội đồng Quốc phòng và An

ninh, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các ủy ban của Quốc hội và đoàn thư ký kỳ họp Quốc hội, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

28. **Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật đã bãi bỏ.**-H.: *Chính trị quốc gia*, 2000.- 927tr.;19cm.

34(V)/49639

Cuốn sách gồm hai phần:

Phần I: Quy định chung, bao gồm các văn bản của Quốc hội, Chính phủ

Phần II: Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật đã bãi bỏ, bao gồm các quyết định của các Bộ, ngành và danh mục các văn bản quy phạm pháp luật đã bãi bỏ.

29. **Đề cương phổ biến, giáo dục về Hiến pháp, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ.**- H.: *Quân đội nhân dân*,2002.- 183tr.;19cm.

34(V)04 / 50842 – 43

Giới thiệu một số tài liệu có tính chất phổ biến, giáo dục xung quanh nội dung về Hiến pháp, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi, bổ sung) và kèm theo toàn văn các văn bản nói trên.

30. **Đối chiếu Hiến pháp năm 2013 và Hiến pháp năm 1992 (Sửa đổi, bổ sung năm 2001) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:** Sách tham khảo /*Tô Văn Hòa.*- H.: *Chính trị quốc gia*,2014.-383tr.;21cm

34(V)01 / 74855, 74856

Giới thiệu các điều khoản gốc của hai bản Hiến pháp được sắp xếp, so sánh tương ứng với nhau căn cứ vào nội dung mà chúng điều chỉnh. Qua đó ta có thể thấy được một cách toàn diện những điểm mới và những điểm mang tính kế thừa của Hiến pháp năm 2013 so với Hiến pháp năm 1992 sửa đổi bổ sung năm 2001 cũng như những điểm giống và khác nhau của hai bản Hiến pháp này, đồng thời thấy được những điều khoản của Hiến pháp năm 1992 sửa đổi bổ sung năm 2001 không được tiếp tục đưa vào Hiến pháp năm 2013.

31. **Đổi mới, hoàn thiện bộ máy Nhà nước trong giai đoạn hiện nay**/Bùi Xuân Đức.-H.: *Tư pháp*,2004.-475tr.;21cm.

34(V)12 / 56245 - 46, M 119852 - 53

Cuốn sách đi sâu phân tích quan điểm, nguyên tắc của việc cải cách bộ máy nhà nước; làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của những đổi mới căn bản của bộ máy nhà nước qua Hiến pháp năm 1992 và qua Nghị quyết của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992; đồng thời luận giải những phương hướng, giải pháp tiếp tục đổi mới, hoàn thiện bộ máy nhà nước theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

32. **Hệ thống hóa các văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động của Quốc hội.**- H.: *Tư pháp*,2005.- 419tr.; 21cm

34(V)042.1 / 69797

Cuốn sách trình bày có hệ thống các qui định của pháp luật về tổ chức và hoạt

động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Quốc hội và các cơ quan chuyên môn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được sắp xếp theo giá trị pháp lý của văn bản từ cao xuống thấp.

33. **Hệ thống hoá các văn bản quy định chế độ chi tiêu và các điều kiện đảm bảo cho các hoạt động của các cơ quan Quốc hội, đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu.**-
H.: Văn phòng Quốc hội, 2007.-273tr.; 24cm

34(V).42.1 / V 12124

Gồm các văn bản pháp luật, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ các hoạt động của Quốc hội; Nghị định của chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí, ngân sách nhà nước; Qui định tiêu chuẩn, định mức và chế độ hội họp, chế độ quản lý sử dụng phương tiện đi lại; Quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong các cơ quan nhà nước...

34. **Hệ thống luật của Quốc hội khoá XII năm 2009 - 2010/Sưu tầm: Quý Long, Kim Thư .-H.: Lao động, 2010 .-561tr.; 28cm**

34(V) / V 11201 - 02

Nội dung cuốn sách được sắp xếp theo trình tự thời gian và gồm các phần chính sau: Hệ thống luật của Quốc hội khóa XII thuộc lĩnh vực kinh tế; Hệ thống luật của Quốc hội khóa XII thuộc lĩnh vực xã hội; Hệ thống luật của Quốc hội khóa XII thuộc lĩnh vực khoa học - kỹ thuật; Hệ thống luật của Quốc hội khóa XII thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng; Hệ thống luật của Quốc hội khóa XII thuộc lĩnh vực pháp lý.

35. **Hệ thống văn bản pháp luật về luật nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.-H.: Chính trị Quốc gia, 1996.-621tr.; 19cm**

34(V)1 / 45871 - 72

Đăng toàn văn các bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân. Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và các văn bản pháp luật liên quan.

36. **Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về quốc phòng/Biên soạn: Nguyễn Văn Được, Nguyễn Thế Lực.-H.: Quân đội nhân dân, 2003.-931tr.; 27cm.**

355:34 / V 6704 – 05

Tập hợp những văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành và một số văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực quân sự, quốc phòng của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành. Tập hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, in thành 4 tập. Tập 1: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về Quốc phòng (1954-2000). Xuất bản năm: 2001.- 1154tr. Số đăng ký: LCV 418-419

Tập 2: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về Quốc phòng (1954-2000). Xuất bản năm: 2001.- 1078tr. Số đăng ký: LCV: 420-421

Tập 3: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về Quốc phòng. Xuất bản năm: 2002.-952tr. Số đăng ký: LCV 501-502.

Mỗi tập được sắp xếp theo từng lĩnh vực: Công tác quốc phòng; Tổ chức xây dựng lực lượng; Thanh tra quốc phòng; tư pháp, pháp chế; Hành chính văn thư lưu trữ; Tài chính; Lao động tiền lương; Kinh tế; Vũ khí, trang bị kỹ thuật, vật tư; Hậu cần; Chế độ chính sách.

37. **Hệ thống văn bản về tổ chức, hoạt động của bộ máy Nhà nước theo Hiến pháp năm 1992/Sưu tầm, tập hợp: Dương Bạch Long, Nguyễn Xuân Anh.-H.: Tư pháp, 2004.-1775tr.; 27cm**

34(V)12 / V 7637

Cuốn sách tập hợp, hệ thống các văn bản về bộ máy Nhà nước từ trung ương đến địa phương, được ban hành đến tháng 7/2004. Các văn bản được trình bày theo trình tự thời gian ban hành, chức năng hoạt động của từng cơ quan; hệ thống các văn bản từ Hiến pháp, nghị quyết của Quốc hội đến các thông tư hướng dẫn hoạt động của các Bộ, cơ quan ngang Bộ... đối với các cơ quan địa phương.

38. **Hiến pháp là gì.- H.: Hội văn hoá cứu quốc Việt Nam, 1945.-16tr.; 13cm**

34(V) / 15526

Cuốn sách nêu định nghĩa Hiến pháp, lợi ích của Hiến pháp, việc lập hiến và việc thay đổi Hiến pháp khi không còn phù hợp với thời cuộc.

39. **Hiến pháp là gì?/Phùng Văn Tửu.- H.: Phổ thông, 1977.- 41tr.; 19cm**

34 / 27235-36

Cung cấp một số kiến thức phổ thông theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về Hiến pháp. So sánh, phê phán Hiến pháp tư sản, đồng thời nêu rõ đặc điểm và tính ưu việt của Hiến pháp xã hội chủ nghĩa.

40. **Hiến pháp mới Hiến pháp của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa/Lê Duẩn.- H: Sự thật, 1980.- 28tr.; 19cm**

34(V) / 30653

Trích đăng phần bài nói chuyện của đồng chí Lê Duẩn trong phiên họp kết thúc hội nghị toàn thể để xem xét bản dự thảo Hiến pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ ngày 4 đến ngày 10 tháng 9 năm 1980. Qua đó chúng ta hiểu được những tư tưởng cơ bản của Hiến pháp mới và phương hướng cơ bản để hoàn thiện cơ chế của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa cùng những công tác cấp bách phải thực hiện ngay sau khi Hiến pháp được Quốc hội phê chuẩn.

41. **Hiến pháp năm 1946: và sự kế thừa, phát triển trong các Hiến pháp Việt Nam /Chỉ đạo biên tập: Vũ Mão.- H.: Chính trị quốc gia, 1998.- 542tr.; 22cm.**

34(V)01 / 46829-30, M 95906-07

Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời là thành quả đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Tại Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khoá I, bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử lập hiến của nước ta đã được thông qua ngày 9-11-1946.

Cuốn sách gồm hai phần: Phần 1: Nêu bối cảnh ra đời, ý nghĩa lịch sử, sự kế thừa, phát triển Hiến pháp năm 1946 trong các Hiến pháp Việt Nam; Phần 2: Nêu các văn kiện.

42. **Hiến pháp năm 1992 và các luật tổ chức bộ máy Nhà nước.- H.: Tư**

pháp, 2007.- 359tr.; 19cm

34(V) / 62701 - 02, M 130494 - 95

Đăng toàn văn bản Hiến pháp năm 1992 đã được Quốc hội thông qua và một số luật tổ chức bộ máy nhà nước như Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.

43. **Hiến pháp năm 2013 - Những điểm mới mang tính đột phá: Sách chuyên khảo**
/Hoàng Thế Liên chủ biên.- H.: Tư pháp, 2015.- 399tr.; 21cm

34(V)01 / 76051, 76052

Trên cơ sở kế thừa những giá trị đã được thực tiễn kiểm nghiệm của các Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980 và năm 1992 (được sửa đổi bổ sung năm 2001). Hiến pháp năm 2013 đã sửa đổi bổ sung nhiều nội dung quan trọng, phù hợp với tình hình mới. Cuốn sách nêu và phân tích sâu sắc về những quan điểm mới, những qui định được sửa đổi, bổ sung quan trọng trong Hiến pháp năm 2013

44. **Hiến pháp năm 2013 - Sự kết tinh ý chí, trí tuệ toàn dân tộc.-H.: Chính trị quốc gia, 2014.- 531tr.; 24cm**

34(V)01 / V 14232

Cuốn sách gồm hai phần. Phần 1: đăng toàn văn các bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013, nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992. Phần 2: trình bày những ý kiến đóng góp, sửa đổi bổ sung Hiến pháp năm 1992 và những bước tiến mới trong lịch sử lập hiến nước ta.

45. **Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam = The constitution of the socialist republic of Vietnam: Song ngữ Việt - Anh .- H.: Chính trị quốc gia, 2014.- 136tr.; 21cm**

34(V) / 74558, 74559

Cuốn sách song ngữ Việt - Anh, đăng toàn văn bản Hiến pháp gồm 11 chương, 120 điều được Quốc hội thông qua năm 2013. Đây là bản Hiến pháp của thời kỳ đổi mới, đồng bộ về kinh tế, chính trị, đáp ứng với yêu cầu xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước và hội nhập quốc tế trong thời kỳ mới.

46. **Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1946, 1959, 1980, 1992.- H.: Lao động, 2012.- 187tr.; 21cm**

34(V) / 72339, 72340

Đăng toàn văn các Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1946, 1959, 1980 và 1992.

47. **Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (Sửa đổi): Luật Tổ chức Quốc hội năm 2001, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2001.-H.: Chính trị quốc gia, 2002.- 231tr.; 19cm**

34(V)01 / 70539

Nội dung cuốn sách gồm các văn bản: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa đổi); Luật Tổ chức Quốc hội năm 2001, Luật Tổ chức Chính

phủ năm 2001; Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002; Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002.

48. **Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992.-H.: Pháp lý - Sự thật, 1992.-69tr.; 19cm**

34(V)01 / 42123

Đăng toàn văn bản Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, gồm 11 chương, 147 điều đã được Quốc hội thông qua ngày 15 tháng 4 năm 1992.

49. **Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.- H.: Chính trị quốc gia, 2014.- 71tr.; 19cm**

34(V) / 73879, 73880

Đăng toàn văn bản Hiến pháp gồm 11 chương, 120 điều được Quốc hội thông qua năm 2013. Đây là bản Hiến pháp của thời kỳ đổi mới, đồng bộ về kinh tế, chính trị, đáp ứng với yêu cầu xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước và hội nhập quốc tế trong thời kỳ mới

50. **Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: (Bình luận) .- H.: Khoa học xã hội, 1985.- 250tr.; 24cm**

34(V) / V 4679

Bộ sách gồm hai tập, với 12 phần, bình luận một cách có hệ thống những vấn đề lớn về Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ những vấn đề chung nhất đến chế độ chính trị, chế độ kinh tế, bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cơ cấu Nhà nước từ trung ương đến địa phương, giá trị pháp lý, hiệu lực của Hiến pháp và việc thi hành Hiến pháp. Cuối cùng là phần tổng hợp toàn bộ lịch sử Việt Nam và vị trí của Hiến pháp mới.

Tập 1: từ phần 1 đến phần 5. Xuất bản năm:1985

Kí hiệu kho: 34(V) / V 4679

Tập 2: từ phần 6 đến phần 12. Xuất bản năm:1985

Kí hiệu kho: 34(V) / V 4682

51. **Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.- H. : [Knxb], 1960; 19cm.**

34(V) / 19703-04

Đăng toàn văn bản Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa năm 1959 gồm 10 chương, 112 điều đã được Quốc hội thông qua ngày 31 tháng chạp năm 1959. Đồng thời giới thiệu bản báo cáo của Hồ Chủ tịch về dự thảo Hiến pháp sửa đổi đã đọc trước Quốc hội khóa thứ nhất kỳ họp thứ 11 ngày 18 tháng Chạp năm 1959.

52. **Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.- H.: Sự thật, 1959.-47tr.; 19cm**

34(V) / 6879-80

Đăng toàn văn bản Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa năm 1959 gồm 10 chương và 110 điều đã được Quốc hội thông qua ngày 31 tháng Chạp năm 1959.

53. **Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980, 1992 và Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992).-H., 2003.- 190tr.; 19cm.**

34(V)01 / 53179 - 80

Trải qua từng giai đoạn lịch sử của cuộc cách mạng, Nhà nước ta đã thông qua và ban hành Hiến pháp mới phù hợp với tình hình, nhiệm vụ cách mạng của mỗi thời kỳ. Cuốn sách cung cấp cho bạn đọc những bản Hiến pháp từ bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946 đến nay, bao gồm: Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992 và Nghị quyết về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992.

54. **Hiến pháp Việt Nam (từ năm 1946 đến năm 1992) và các luật về tổ chức bộ máy Nhà nước/Sưu tầm, tuyển chọn: Trần Gia Thắng.-H., 2003.- 588tr.; 21cm.**

34(V) / 53149 – 50

Đăng tải toàn văn các bản Hiến pháp của nước ta từ năm 1946, 1959, 1980, 1992, Hiến pháp năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của Quốc hội về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992, các Luật và Pháp lệnh hiện hành quy định về tổ chức bộ máy Nhà nước ta từ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân.

55. **Hiến pháp Việt Nam diễn giải/ Trịnh Đình Trọng.- [Kxd] : [Knxb],19....- 89tr.; 20,5cm.**

34(V) / 9158

Tác giả dùng biện pháp dẫn giải, giải thích, so sánh...để giải thích một số điều về bản Hiến pháp, giúp chúng ta thấy rõ được nhiệm vụ và quyền hạn của mình đối với đất nước.

56. **Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ. Quy trình ban hành văn bản pháp luật, kiểm tra, kiểm soát, xử phạt văn bản quy phạm pháp luật.- H.: Thời đại, 2011.- 510tr.; 27cm**

34(V) / V 12022, V 12023

Qua các thời kỳ kháng chiến kiến quốc, nước ta đã có Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992. Cuốn sách giới thiệu các thời kỳ phát triển của Hiến pháp Việt Nam và quy trình ban hành văn bản pháp luật, kiểm tra, kiểm soát, xử phạt văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời đưa ra 210 câu hỏi đáp về pháp luật về an ninh quốc phòng, hành chính dân sự, hôn nhân gia đình, lao động tiền lương,..

57. **Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến năm 2001: St, giới thiệu: Trần Mộng Lang .- T.p Hồ Chí Minh: Nxb. T.p Hồ Chí Minh, 2002.-249tr; 21cm**

34(V)01 / 51010 – 11

Cung cấp nhiều tài liệu tham khảo, tài liệu nghiên cứu một cách có hệ thống từ Tuyên ngôn độc lập đến các bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992 và Nghị quyết của Quốc hội ngày 25-12-2001 về sửa đổi bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992.

58. **Hiến pháp Việt Nam: Chú giải phổ thông /Nguyễn Đình Thi.-[Kxd]: Tự học, 1949.- 39tr.; 18cm.**

34(V) / 9149

Tác giả dùng biện pháp dẫn giải, giải thích, so sánh...để giải thích một số điều về bản Hiến pháp, giúp chúng ta thấy rõ được nhiệm vụ và quyền hạn của mình đối với

đất nước.

59. **Hiến pháp: Những vấn đề lý luận và thực tiễn: (Sách chuyên khảo) .-H.:Đại học Quốc gia Hà Nội,2011.-1131tr.;27cm**

34(V)01 / V 12649- 50

Cuốn sách tập hợp hơn 97 bài nghiên cứu của nhiều nhà khoa học đầu ngành, nhà nghiên cứu có uy tín ở trong và ngoài nước về luật Hiến pháp và chính trị học. Sách được chia làm ba phần, Phần I: những bài viết đề cập đến những vấn đề lý luận chung về Hiến pháp. Phần II: những bài viết đề cập cụ thể đến Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp của Việt Nam. Phần III: bao gồm những bài viết về kinh nghiệm xây dựng và sửa đổi Hiến pháp ở một số nước trên thế giới. Các bài viết được sắp xếp theo trình tự chủ đề và nội dung đề cập. Riêng Phần II, các bài viết được sắp xếp theo trình tự các chương của Hiến pháp 1992.

60. **Hồ Chí Minh với cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1946-1969): Luận án tiến sĩ lịch sử: 62.22.56.01 /Văn Thị Thanh Mai.-H.:Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn,2009.-255tr.;29cm**

3K5H6 / LAV 5867

Làm rõ vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc sáng lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Xây dựng cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là Quốc hội, khẳng định công hiến của Hồ Chí Minh với Quốc hội khoá I,II,III; Hệ thống hoá, khái quát hoá những tư liệu, bổ sung thêm những tư liệu mới nhằm đi sâu nghiên cứu quan điểm và hoạt động của Hồ Chí Minh với việc xây dựng thiết chế Quốc hội qua 3 giai đoạn từ 1946 - 1969; phân tích những điều kiện cụ thể, những quyết nghị của Hồ Chí Minh và Quốc hội trong việc thực hiện chức năng lập hiến, lập pháp.

61. **Hồ Chí Minh với việc xây dựng nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945-1946): Luận văn thạc sĩ khoa học chính trị: 60.31.27 /Lê Đình Dũng.-H.:Học viện chính trị - hành chính quốc gia Hồ Chí Minh,2009.-117tr.;29cm**

3K5H / LAV 6166

Phân tích, làm rõ những thuận lợi, khó khăn của cách mạng Việt Nam trong những năm 1945 - 1946; đánh giá toàn diện những hoạt động và đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc chỉ đạo xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có đủ sức mạnh tiến hành cuộc kháng chiến sắp nổ ra; rút ra bài học quý báu và vận dụng vào xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

62. **Hoạt động giám sát của Quốc hội Việt Nam trong cơ chế giám sát quyền lực nhà nước/Trương Thị Hồng Hà chủ biên.- H.: Chính trị quốc gia, 2015.- 470tr.; 24cm**

34(V)042.1 / V 14606

Cuốn sách tập trung luận giải cơ sở lý luận và thực tiễn cơ chế giám sát quyền lực nhà nước và hoạt động giám sát của Quốc hội Việt Nam (có tham chiếu mô hình của một số nước trên thế giới), đồng thời rút ra những ưu điểm và hạn chế, thuận lợi và thách thức đặt ra đối với việc giám sát thực hiện quyền lực nhà nước ở Việt Nam, đồng thời nêu ra những giải pháp để hoàn thiện cơ chế này.

63. **Hỏi đáp Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1997 sửa đổi, bổ sung năm 2001,**

2010/*Dương Bạch Long, Trương Hồng Quang.-H.: Chính trị quốc gia, 2011.- 151tr.; 19cm*

34(V)041 / 69861, 69862

Gồm 82 câu hỏi đáp về những nội dung cơ bản của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1997, sửa đổi, bổ sung năm 2001, 2010 và các qui định pháp luật khác có liên quan.

64. **Hỏi đáp về những điểm mới và nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013/Chủ biên: Vũ Thanh Xuân, Vũ Đăng Minh.- H.: Chính trị quốc gia, 2014.- 134tr.; 21cm**

34(V)01 / 74697, 74698

Cung cấp tài liệu và giải đáp một số vấn đề cụ thể thông qua 58 câu hỏi và trả lời về những điểm mới về nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013 so với Hiến pháp năm 1992. Giới thiệu toàn văn Hiến pháp năm 2013 và Nghị quyết số 64/2013/QH ngày 28/11/2013 của Quốc hội qui định một số điểm thi hành Hiến pháp này.

65. **Hỏi đáp về Tổ chức bộ máy Nhà nước Việt Nam theo Hiến pháp từ năm 1946 đến nay.- H.: Quân đội nhân dân, 2008.- 207tr.; 21cm.**

34(V)1 / LC 9631 - 32, 64949 - 50, M 134819 - 20

Ngay từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đến nay, Nhà nước Việt Nam đã trải qua các bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992 và bản Hiến pháp 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2001. Cuốn sách được biên soạn theo dạng hỏi đáp nhằm giúp chúng ta hiểu và nhận thức đầy đủ, cụ thể về tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam thông qua các bản Hiến pháp này.

66. **Hỏi và đáp về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.- H.: Sự thật, 1981.- 75tr.; 20cm**

34(V) / 30974-75

Ngày 18 tháng 12 năm 1980, Hiến pháp mới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội thông qua. Đây là bản Hiến pháp kế thừa và phát triển Hiến pháp năm 1946 và năm 1959 của nước ta trong điều kiện mới của lịch sử dân tộc. Cuốn sách viết dưới dạng hỏi đáp một cách cô đọng và xúc tích về nội dung cơ bản của bản Hiến pháp mới năm 1980.

67. **Hướng dẫn mới nhất về công tác bầu cử, ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp, Đại biểu Quốc hội khoá VII.- H.: Lao động xã hội, 2007.- 508tr.; 27cm**

34(V)041 / V 9309

Giới thiệu những hướng dẫn mới nhất về quy trình, thủ tục tổ chức các kỳ họp, phiên họp và công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân các cấp. Đồng thời cung cấp một số tư liệu về công tác bầu cử, tổng quan về công tác bầu cử, đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác bầu cử...

68. **Ký ức về những ngày độc lập đầu tiên 1945 - 1946.-H.:Thời đại,2010.- 199tr.;23cm**

9(V)2 / V 12200 - 01

Bộ sưu tập ảnh gồm hơn hai trăm tấm ảnh chụp những sự kiện chính trị diễn ra chủ yếu ở Hà Nội và một số địa phương ở miền Bắc nước ta trong khoảng thời gian từ 17-

8-1945 (cuộc mít tinh của Tổng hội Công chức tại Nhà Hát lớn) cho đến ngày 18-6-1946 (cuộc mít tinh tưởng niệm các nhà yêu nước Phạm Hồng Thái và Nguyễn Thái Học tại khu Đấu Xảo Hà Nội).

69. **Kỷ yếu tổng kết nhiệm kỳ Quốc hội khoá X.-H.: Văn phòng Quốc hội, 2002.-352tr.; 27cm**

34(V)042.1 / V 12081

Gồm các nội dung: Báo cáo tổng kết công tác của các cơ quan của Quốc hội khóa X; Phụ lục: công tác xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa X; những vấn đề quan trọng đã được Quốc hội quyết định (từ kỳ họp thứ nhất đến kỳ họp thứ 10); hoạt động giám sát của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhiệm kỳ khóa X; về tổ chức; công tác dân nguyện.

70. **Kỷ yếu tổng kết nhiệm kỳ Quốc hội khoá XI (tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khoá XI).-H.: [Knxb], 2007.-431tr.; 30cm**

34(V)042.1 / V 12082

Cuốn sách gồm hai phần, Phần thứ nhất: Các báo cáo; Phần thứ hai: Các phụ lục (công tác xây dựng luật pháp; việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước; hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; một số công tác khác...).

71. **Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946- 1960).-H.: Chính trị quốc gia, 2000.-380tr.; 21cm.**

34(V)042 / 49327 - 28

Sự ra đời của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Quốc hội đã lập ra Chính phủ liên hiệp kháng chiến, thông qua bản Hiến pháp (1946) là thành quả của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam gần 9 thập kỷ, trực tiếp là 15 năm đấu tranh dưới ngọn cờ Độc lập tự do của Chủ tịch Hồ Chí Minh do Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) lãnh đạo. Mười bốn năm hoạt động trong hoàn cảnh kháng chiến cực kỳ khó khăn gian khổ là quá trình rèn luyện Quốc hội khoá I, Quốc hội vì dân, vì nước. Tất cả quá trình 14 năm rèn luyện ấy của Quốc hội đã được trình bày khá đầy đủ trong cuốn sách này.

72. **Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1960 - 1976/Lê Mậu Hãn.-H.: Chính trị quốc gia, 2007.-569tr.; 21cm.**

34(V)042.1 / 63400

Cuốn sách giới thiệu lịch sử Quốc hội Việt Nam Dân chủ cộng hoà khoá II (1960 - 1964), khoá III (1964 - 1971), khoá IV (1971 - 1975). Khoá V (1975 - 1976). Trong suốt 16 năm đó dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quốc hội đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử là cơ quan quyền lực cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, phấn đấu vì lợi ích tối cao của dân tộc Việt Nam.

73. **Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (sửa đổi) và văn bản hướng dẫn thi hành.-H.: Chính trị quốc gia, 1999.-101tr.; 19cm.**

34(V)041 / 47921-22

Cung cấp những văn bản quan trọng về cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999 - 2004; Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (sửa đổi);

Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi); Nghị định số 81/CP ngày 1-8-1994, Chỉ thị số 23/1999/CT-TTg ngày 16-8-1999, Thông tư số 30/1999/TT-BTCCBCP của Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999-2004.

74. **Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.-H.: Chính trị quốc gia,2003.-55tr.;19cm.**

34(V)041.2 / 53135 - 36

Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân đã được Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26-11-2003. Luật này quy định việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân bao gồm 79 điều về quy định chung, điều khoản thi hành, danh sách bầu cử, trình tự bầu cử, kết quả bầu cử, xử lý những vi phạm pháp luật về bầu cử,...

75. **Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1997, sửa đổi, bổ sung năm 2001 và các văn bản hướng dẫn thi hành.-H.:Chính trị Quốc Gia,2007.-327tr.;19cm**

34(V)041/ M 129577 - 78, 62389 - 90

Cuốn sách giới thiệu Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 2001; các văn bản quy phạm pháp luật của UBTƯQH, Chính phủ, Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn về bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XII; phụ lục các mốc thời gian tiến hành cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XII.

76. **Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1997, sửa đổi, bổ sung năm 2001 và 2010.-H.:Chính trị quốc gia,2011.-134tr.;19cm**

34(V)041 / 69514 - 15

Nội dung cuốn sách bao gồm Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2010 (trích nội dung trực tiếp sửa đổi, bổ sung Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội) và Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1997; sửa đổi, bổ sung năm 2001 và 2010 là văn bản nhất thể hóa từ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1997 và các nội dung được sửa đổi, bổ sung theo các luật sửa đổi, bổ sung năm 2001 và 2010.

77. **Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật Tổ chức Quốc hội.-H.: Chính trị quốc gia,2008.- 107tr.;19cm.**

34(V)03 / 64833 - 34

Cuốn sách này giới thiệu toàn văn Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội được nhất thể hoá từ nội dung của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 2001; toàn văn Luật Tổ chức Quốc hội được nhất thể hoá từ nội dung của Luật Tổ chức Quốc hội năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội năm 2007.

78. **Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội.-H.:Chính trị Quốc gia,1997.-56tr.;19cm.**

34(V)041.1 / 46157 – 58

Giới thiệu Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội

chủ nghĩa Việt nam khoá IX, Kỳ họp thứ 11, thông qua ngày 15-4-1997 bao gồm những quy định chung của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, số đại biểu Quốc hội, đơn vị bầu cử và khu vực bầu cử, các tổ chức phụ trách bầu cử, trình tự bầu cử, kết quả bầu cử, điều khoản thi hành,...

79. **Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội.-H.:Pháp lý,1992.-30tr.;19cm**

34(V)041.1 / 42124

Giới thiệu Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 15 tháng 4 năm 1992 bao gồm 70 điều về những quy định chung, danh sách cử tri, trình tự bầu cử, ứng cử, đề cử đại biểu Quốc hội; kết quả bầu cử, điều khoản thi hành,...

80. **Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội: Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001 .-H.:Chính trị quốc gia,2002.-111tr.;19cm.**

34(V)041.1 / 50583 - 84, M 109064 - 65

Nội dung cuốn sách bao gồm: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1997; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 2001; Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001).

81. **Luật sư Nguyễn Hữu Thọ - Cuộc đời và sự nghiệp/Chủ biên: Trần Minh Trường, Nguyễn Thị Giang.-H.:Chính trị quốc gia,2014.-347tr.;21cm**

3KV1(092) / 74927 - 28

Suốt nửa thế kỷ gắn bó với dân tộc, với nhân dân, với cách mạng, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ trải qua nhiều cương vị công tác, hoạt động trên nhiều địa bàn khác nhau, lúc công khai hợp pháp giữa hàng ổ kẻ thù, nhiều lần chịu cảnh lưu đầy chốn rừng thiêng nước độc trong ngục tù thực dân, đế quốc, khi xông pha trên các chiến trường khốc liệt. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng cao đẹp của ông đã được khắc họa tương đối đầy đủ và sinh động trong cuốn sách này.

82. **Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội.-H.:Chính trị quốc gia,2002.-161tr.;19cm.**

34(V)041.1 / 50515 - 16, M 108590 - 91

Cuốn sách công bố lệnh số 03/2002/L-CTN ngày 07-01-2002 của Chủ tịch nước công bố Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và toàn văn luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 2001.

83. **Luật Tổ chức Quốc hội năm 2001; sửa đổi, bổ sung năm 2007. -H.:Chính trị quốc gia,2007.-127tr.;19cm**

34(V)042.1 / 63045 - 46, M 131124 - 25

Giới thiệu toàn văn Luật Tổ chức Quốc hội năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội năm 2007 và Luật Tổ chức Quốc hội năm 2001; sửa đổi, bổ sung năm 2007 được nhất thể hóa từ Luật Tổ chức Quốc hội năm 2001 và những phần đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội năm 2007.

84. **Luật Tổ chức Quốc hội. -H.:Lao động,2015.- 75tr.;19cm**

34(V)042.1 / 76069 - 70

Nhằm khắc phục những vấn đề cần được sửa đổi như: Quyết định các vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội; trung cầu ý dân; hoạt động chất vấn tại phiên họp; tổ chức giám sát, tham gia hỗ trợ hoạt động giám sát tại địa phương; đổi mới phương thức tham gia xem xét, cho các vấn đề quan trọng của quốc gia; phân định rõ quyền hạn, nhiệm vụ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội với các cơ quan khác của Quốc hội,... ngày 20/11/2014 tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XIII đã thông qua Luật Tổ chức Quốc hội. Luật này có hiệu lực từ ngày 1/1/2016. Cuốn sách đã giới thiệu đầy đủ Luật Tổ chức Quốc hội được Quốc hội thông qua năm 2014 này.

85. **Luật Tổ chức Quốc hội.**-H.:*Pháp lý*,1992.- 37tr.; 19cm

34(V)042.1 / 42122

Luật Tổ chức Quốc hội được Quốc hội thông qua ngày 15-4-1992 gồm 81 điều về những quy định chung, Chủ tịch Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đại biểu Quốc hội, Kỳ họp Quốc hội, bộ máy giúp việc và ngân sách của Quốc hội và điều khoản cuối cùng.

86. **Mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội, Chính phủ trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**/*Trần Ngọc Đường, Ngô Đức Mạnh.*- H.: *Chính trị quốc gia*, 2008.-515tr.; 21cm.

34(V) / 65703, 65704

Cuốn sách được phát triển từ công trình nghiên cứu khoa học cùng tên của các tác giả, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc đổi mới mô hình tổ chức, phương thức hoạt động của Quốc hội, Chính phủ theo định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đề xuất hệ quan điểm nguyên tắc và giải pháp có tính tổng thể cho cả quá trình đổi mới Quốc hội, Chính phủ cho đến năm 2010.

87. **Một số nét về Quốc hội Việt Nam**/*Vũ Như Giới.*- H.: *Phổ thông*, 1976.- 46tr.; 19cm

34(V) / 25219-20

Giới thiệu những điểm cơ bản về chức năng, quyền hạn, nguyên tắc chung về tổ chức và hoạt động của Quốc hội ta đồng thời đề cập đến một số khái niệm về đặc điểm Quốc hội kiểu xã hội chủ nghĩa và những thành tựu to lớn 30 năm qua của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

88. **Một số vấn đề cơ bản về hoàn thiện bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Theo Hiến pháp 1992 và những định hướng cơ bản của Hội nghị Trung ương VIII (khóa VII) và Đại hội VIII Đảng Cộng sản Việt Nam)**/*Chủ biên: Nguyễn Duy Gia.*-H.: *Chính trị Quốc gia*, 1997.- 209tr.; 19cm

34(V)12 / 45507 – 08

Cuốn sách đã tổng kết thực tiễn của việc xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa trong những năm qua, bám sát nội dung, yêu cầu của thực tiễn cách mạng và đề xuất những vấn đề cấp thiết trong công cuộc đổi mới hiện nay cho phù hợp với thực tiễn cách mạng nước ta.

89. **Một số vấn đề về Hiến pháp và bộ máy nhà nước**/*Nguyễn Đăng Dung.*-H.:*Giao*

thông vận tải, 2001.- 516tr.; 21cm.

34(V)01 / 49683 – 84

Tập hợp những bài viết của tác giả xung quanh vấn đề Hiến pháp và bộ máy nhà nước đã cơ bản được công bố rải rác trên các tạp chí hoặc hội nghị khoa học chuyên ngành những năm gần đây, có sự chỉnh lý lại trên cơ sở những quan điểm mới.

90. **Một số vấn đề về hoàn thiện chế độ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở Việt Nam hiện nay: Sách chuyên khảo /Vũ Thị Loan.-H.: Chính trị quốc gia, 2010.- 255tr.; 21cm**

34(V)041.2 / 67853, 67854

Cuốn sách gồm ba chương, nêu lý luận chung về chế độ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, thực trạng đại biểu Hội đồng nhân dân ở nước ta, những vấn đề đặt ra và vấn đề đổi mới, hoàn thiện chế độ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở nước ta hiện nay.

91. **Một số vấn đề về hoàn thiện tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam/Chủ biên: Lê Minh Thông.- H.: Khoa học xã hội, 2001.- 546tr.; 21cm.**

34(V)12 / 49791 - 92

Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật đã tổ chức một cuộc hội thảo về vấn đề hoàn thiện bộ máy nhà nước giai đoạn 2001-2010 vào tháng 5 năm 2000 với sự tham gia của đông đảo các nhà khoa học. Hơn 30 báo cáo đã được trình bày, phân tích nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta hiện nay. Cuốn sách tóm lược những nội dung trong các bản báo cáo tại hội nghị góp phần làm sáng tỏ các quan điểm của Đảng ta về nhu cầu và giải pháp cải cách bộ máy nhà nước trong giai đoạn 2001-2010.

92. **Một số vấn đề về nhà nước và pháp luật Việt Nam.- H: Khoa học xã hội,1972.- 350tr.; 19cm**

34(V) / 20253

Gồm những bài phát biểu trong Hội nghị khoa học của Viện Luật học tổ chức vào những ngày 31 tháng 8 và 1 tháng 9 năm 1970 nhân dịp Quốc khánh lần thứ 25 nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà về những vấn đề về nhà nước và pháp luật Việt Nam.

93. **Nhà nước dân chủ nhân dân và sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa/Phạm Văn Đồng.- H: Sự thật,1961.- 75tr.; 19cm.**

34(V) / 915

Đăng những nội dung về nhà nước dân chủ nhân dân và sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, phong trào yêu nước của đồng bào ta ở miền Nam và sự nghiệp hòa bình thống nhất đất nước, tình hình quốc tế và hoạt động đối ngoại của nước ta thời bấy giờ.

94. **Nhà nước là gì?/Văn Phong.- H: Sự thật, 1956.- 26tr.;19cm.**

34(V) / 4266

Nêu khái niệm về nhà nước, nguồn gốc nhà nước, cơ cấu nhà nước, nhà nước dân chủ nhân dân và vấn đề tăng cường nhà nước dân chủ nhân dân để xây dựng nhà nước

thống nhất của nước ta.

95. **Nhà nước và pháp luật/Hồ Chí Minh.- H: Pháp lý, 1985.- 354tr.; 19cm.**

3K5H3 / 35650

Cuốn sách giới thiệu những bài viết, bài nói của Hồ Chủ tịch đề cập đến vấn đề Nhà nước và Pháp luật từ năm 1919 đến năm 1969 theo ba thời kỳ: Từ năm 1919 đến trước ngày Cách mạng tháng Tám thành công, từ năm 1945 đến năm 1954 và từ năm 1954 đến năm 1969.

96. **Những điều đại biểu hội đồng nhân dân cần biết/Lê Duy Lương.-H: Pháp lý, 1984.- 75tr.; 19cm**

34(V) / 34544

Nêu những kiến thức cơ bản về tính chất nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, nhiệm vụ quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định trong Hiến pháp năm 1980 và Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 1983.

97. **Những sự kiện lịch sử Việt Nam (Từ 1945 - 2010): Tháng 1 /Biên soạn: Minh An, Bình An.- H.: Thanh niên, 2010.- 255tr.; 21cm**

9(V)2 / 68660, 68661

Ghi lại những mốc sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, đối ngoại, giáo dục, thể thao, du lịch... Qua đó ta thấy được một cách hệ thống những diễn biến của lịch sử Việt Nam suốt giai đoạn cách mạng đầy hào hùng, trong đó, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên ngày 6-1-1946 được đề cập đến trong trang 7.

98. **Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá X: Năm 1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002.-H.: Chính trị quốc gia, 2003.-496tr.; 24cm.**

34(V)042.1 / V 7199 - 200

Giới thiệu toàn văn 41 Pháp lệnh được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua tại các kỳ họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa X.

99. **Quá trình xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân thời kỳ 1945-1946 theo đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam: Luận án phó tiến sỹ KHLS: 50316 /Lê Thị Phương Thảo.- H.: Viện Nghiên cứu CNMLN & TTHCM, 1996.- 180tr.**

3KV1.2 / LAV 1539

Trình bày quá trình xây dựng Nhà nước non trẻ được hình thành sau Cách mạng tháng Tám đến ngày toàn quốc kháng chiến (19/12/1946), đặc biệt tập trung vào phân tích đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về việc xây dựng Nhà nước và quá trình xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân trong thời gian này. Từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm có ý nghĩa thiết thực đối với việc củng cố và hoàn thiện Nhà nước ta hiện nay.

100. **Quốc dân Đại hội Tân Trào.-H.: [k.nxb], 1995.-188tr.; 19cm.**

3KV(060) / 44989 - 90

Gồm 25 bài viết của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Quốc hội, các đồng chí đã tham gia Quốc dân Đại hội Tân Trào, các nhà khoa học nghiên cứu về nội dung, ý nghĩa lịch

sử của Quốc dân Đại hội Tân Trào và rút ra những bài học kinh nghiệm phục vụ cho công cuộc đổi mới về tổ chức và hoạt động của Quốc hội trong hệ thống chính trị hiện nay.

101. **Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Niên giám 1999 - 2000.** - H.: Chính trị quốc gia, 2001.-1018tr.; 27cm

34(V)042.1 / V10993

Nội dung sách do Văn phòng Quốc hội biên soạn và tuyển chọn, gồm các phần chính như sau: Phần thứ nhất: Giới thiệu sơ lược Quốc hội khóa X (1997 - 2002); Phần thứ hai: Các văn kiện chính của Quốc hội khóa X trong năm 1999; Phần thứ ba: Các văn kiện chính của Quốc hội khóa X trong năm 2000; Phần thứ tư: Danh sách các đại biểu Quốc hội khóa X (1999 - 2000).

102. **Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Những khía cạnh pháp lý theo Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội năm 1992** /Nguyễn Đăng Dung.- H.: Pháp lý, 1992.- 110tr.; 19cm

34(V)042.1 / 42249

Phân tích những nội dung cơ bản và những nội dung mới của Hiến pháp năm 1992 và Luật Tổ chức Quốc hội. Làm rõ những điểm khác nhau giữa hai cách tổ chức và hoạt động của cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước ta và các Nghị viện của các Nhà nước tư bản.

103. **Quốc hội và các thiết chế trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**/Phạm Văn Hùng chủ biên.- H.: Lao động, 2009.-501tr.; 24cm

34(V) / V 12150

Cuốn sách tập hợp nhiều bài viết về Quốc hội và các thiết chế trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã đăng trên các tạp chí, gồm xây dựng Nhà nước pháp quyền, xây dựng Quốc hội, xây dựng Chính phủ và xây dựng các cơ quan tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

104. **Quốc hội Việt Nam - Tổ chức, hoạt động và đổi mới:** Sách chuyên khảo /Phan Trung Lý.- H.: Chính trị quốc gia, 2010.- 335tr.; 21cm.

34(V)042.1 / 67851, 67852

Quốc hội Việt Nam ra đời là kết quả thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu đại biểu Quốc hội đầu tiên ngày 06 tháng 1 năm 1946. Cuốn sách gồm ba chương đề cập đến các vấn đề về Quốc hội Việt Nam như: Tổ chức Quốc hội, hoạt động lập pháp và giám sát của Quốc hội, và đại biểu Quốc hội... giúp bạn đọc hiểu thêm về Quốc hội, những hoạt động cũng như sự đổi mới của Quốc hội qua các thời kỳ lịch sử.

105. **Quốc hội Việt Nam trong Nhà nước pháp quyền: Chuyên khảo dành cho sau Đại học** /Nguyễn Đăng Dương chủ biên.- H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.- 535tr.; 21cm

34(V)042 / 62705 - 06, M 130486 – 87

Cuốn sách gồm 4 chương

Chương 1: Nhà nước pháp quyền và những đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền;
Chương 2: Những yêu cầu của Quốc hội/ Nghị viện trong Nhà nước pháp quyền;

Chương 3: Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay và Chương 4: Những đòi hỏi của Quốc hội Việt Nam trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

106. **Sơ lược về Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa/Lê Tư Lành.** – H.: Minh Đức, 1956.-32tr

34(V) / 16405

Giới thiệu sơ lược Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam): ý nghĩa việc bầu cử Quốc hội, đặc điểm và tính chất cuộc Tổng tuyển cử, nhân dân ta đã tiến hành tổng tuyển cử trong hoàn cảnh như thế nào, các khóa họp Quốc hội từ thứ 1 đến thứ 5, những đặc điểm của Quốc hội nước ta,..

107. **Sơ thảo lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam: Từ Cách mạng tháng Tám đến nay.**-H: Khoa học xã hội, 1983.-356tr

34(V) / 34412-13

Cuốn sách trình bày 3 thời kỳ lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam. Thời kỳ đầu là quá trình đấu tranh để thiết lập nhà nước kiểu mới, Nhà nước và pháp luật nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong Cách mạng dân tộc dân chủ từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến tháng 7 - 1954; thời kỳ thứ 2 là thời kỳ Nhà nước dân chủ nhân dân chuyển sang làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản ở miền Bắc, đấu tranh xoá bỏ Ngụy quyền của chủ nghĩa thực dân kiểu mới và xây dựng chính quyền cách mạng ở miền Nam, thời kỳ này được kết thúc vào tháng 7-1976. Thời kỳ thứ 3 từ 1976 đến nay, đây là thời kỳ Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong thời kì cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

108. **Sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay: Luận văn thạc sĩ khoa học chính trị: Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam: 60.31.23 /Nguyễn Vinh Hà.-H.:Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh,2007.-121tr.;30cm**

3KV5 / LAV 7843

Luận văn thạc sĩ khoa học chính trị chuyên ngành xây dựng đảng. Công trình luận giải làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội nước ta hiện nay; đánh giá đúng thực trạng, chỉ rõ nguyên nhân, rút ra những kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội nước ta từ năm 1992 đến nay; đề xuất phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội trong giai đoạn hiện nay.

109. **Sửa đổi, bổ sung một số điều Hiến pháp 1992: Thông tin KHPL, 8 - 2001 .- H.:Bộ Tư pháp,2001.-140tr.**

34(V)01 / T 19627

Tài liệu này là kết quả nghiên cứu, tìm tòi của một số cán bộ khoa học của ngành Tư pháp nhằm có thêm tài liệu phục vụ cho việc tổ chức nghiên cứu; tham gia ý kiến của các cán bộ trong ngành đối với nội dung nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992. Tài liệu gồm các mục sau: Về nhiệm vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992; Về các quan điểm chỉ đạo trong việc sửa đổi, bổ

sung Hiến pháp 1992; Về một số vấn đề cần sửa đổi, bổ sung trong Hiến pháp 1992.

110. **Thuật ngữ pháp lý dùng trong hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân** / *Chủ biên: Nguyễn Thành.-H.: Tư pháp, 2004.-430tr.; 24cm.*

34(V)(03) / V 8147

Đây là cuốn sách tập hợp và giải thích khoảng 2000 khái niệm pháp lý thuộc các ngành luật khác nhau như Hiến pháp, Dân sự, Hình sự, Hành chính, Tổ tụng dân sự, Tổ tụng hình sự, Đất đai, Kinh tế, Hôn nhân gia đình, Hành chính, Quốc tế... Đa số các khái niệm này đã được dùng trong Hiến pháp, các bộ luật, đạo luật hoặc pháp lệnh đã được ban hành. Các khái niệm được giải thích theo cách chung nhất và phù hợp với từng văn bản pháp luật hoặc theo ngữ cảnh sử dụng. Phần lớn các mục từ đều có thêm thuật ngữ tương ứng bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp để tiện việc tra cứu, sử dụng.

111. **Tìm hiểu bầu cử đại biểu Quốc hội: Theo Hiến pháp năm 1992 và luật bầu cử mới** / *Phùng Văn Tửu, Ngô Văn Thâu.-H.: Pháp lý, 1992.-35tr.; 19cm*

34(V)0411/ 42121

Nội dung gồm ba phần: Bầu cử là một quyền dân chủ cơ bản của công dân; những điểm mới trong Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1992; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong việc bầu cử.

112. **Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.-H.: Pháp lý, 1981.-181tr.; 19cm**

34(V) / 31052-53

Căn cứ vào các chương trong Hiến pháp, cuốn sách đã trình bày rõ tinh thần, nội dung của Hiến pháp: về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, kỹ thuật, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, quyền và nghĩa vụ của công dân... Trong một số vấn đề, sách có liên hệ với điều kiện và hoàn cảnh kinh tế xã hội của nước ta, với các Hiến pháp năm 1946 và năm 1959, dựa vào đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật hiện hành của Nhà nước.

113. **Tìm hiểu Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.-H.: Sự thật, 1976.-319tr.; 19cm.**

34(V) / 25643-44

Cuốn sách trình bày rõ và gọn tinh thần và nội dung của Hiến pháp. Trong từng vấn đề, cuốn sách trình bày những nguyên lý và khái niệm chung rồi mới trình bày cụ thể những chế định của Việt Nam; đồng thời có phê phán những quan điểm tư sản về Hiến pháp và Nhà nước. Trong mỗi vấn đề, cuốn sách liên hệ với những điều kiện và hoàn cảnh kinh tế - xã hội có liên quan, với sự phát triển lịch sử của các chế định Hiến pháp, luôn dựa vào đường lối, chính sách của Đảng, các chủ trương và pháp luật của Nhà nước, những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin về Nhà nước và pháp quyền. Hiến pháp chỉ được phát huy đầy đủ khi tất cả các cơ quan, cán bộ, nhân viên Nhà nước đều hiểu và làm theo Hiến pháp.

114. **Tìm hiểu Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính/ Vũ Như Giới.- H: Phổ thông, 1963.- 32tr**

34V / 9137-38

Nội dung đề cập đến các vấn đề: Vai trò trọng yếu của tổ chức chính quyền địa phương trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân ta và sự cần thiết phải có luật mới về tổ chức chính quyền địa phương; ý nghĩa, mục đích, tính chất, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp; nguyên tắc cơ bản về tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp; hội nghị, các ban, đại biểu Hội đồng nhân dân,...

115. **Tìm hiểu pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội**/Nguyễn Mạnh Hùng.-H.:Chính trị quốc gia,2007.-103tr.;19cm

34(V)041 / 62367 - 68, M 129593 - 94

Cuốn sách được trình bày dưới hình thức hỏi - đáp những kiến thức pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội.

116. **Tổ chức nhà nước Việt Nam (1945 -2007).**-H.:Chính trị quốc gia,2007.-672tr.;24cm.

34(V) / V 10389

Nội dung cuốn sách giúp bạn đọc có thêm tài liệu tìm hiểu và nghiên cứu về tổ chức của Nhà nước Việt Nam qua 62 năm (1945-2007).

Sách được chia làm 6 phần: Tổ chức của Quốc hội; Chủ tịch nước; Tổ chức của Chính phủ; Tổ chức chính quyền địa phương; Tổ chức của Tòa án nhân dân; Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.

117. **Tổ chức Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà: Hiến pháp, luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội .**-H.:Sự thật,1974.-211tr.;19cm.

34(V) / 22784-85

Gồm 5 phần: Phần thứ nhất: Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Hiến pháp năm 1959; Luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội và của Ủy ban Thường vụ Quốc hội từ sau khi có Hiến pháp năm 1959 đến năm 1970 về tổ chức Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa); Phần thứ hai: Tổ chức Quốc hội; Phần thứ ba: Tổ chức Hội đồng Chính phủ; Phần thứ tư: Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp; Phần thứ năm: Tổ chức Tòa án nhân dân; Phần thứ sáu: Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.

118. **Tổ chức và hoạt động của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.**-H.:Chính trị quốc gia,1993.-165tr.;19cm

34(V)042.1 / 42914

Sách gồm trích đoạn Hiến pháp năm 1992 về Quốc hội, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật Tổ chức Quốc hội, Các quy chế hoạt động của Quốc hội (đại biểu và đoàn đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội).

119. **Tổ chức, hoạt động của bộ máy Nhà nước Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.**-H.:Tư pháp,2005.-2324tr.;27cm. T.1

34(V)04 / V 8142

Bộ sách tập hợp, hệ thống các văn bản về bộ máy nhà nước từ trung ương tới địa

phương đang có hiệu lực, được ban hành đến tháng 12/2004, gồm ba tập:

Tập I: Tổ chức, hoạt động của cơ quan nhà nước ở trung ương

Tập II: Tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương. Xuất bản năm 2005.- Kí hiệu kho: V 8143

Tập III: Tổ chức, hoạt động của cơ quan tư pháp. Xuất bản năm 2005.- Kí hiệu kho: V 8144

Cùng với 3 tập trên là bản Hiến pháp năm 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10)

Bộ sách cung cấp đầy đủ có hệ thống các quy định pháp luật về tổ chức, hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chi tiết đến từng đơn vị trực thuộc.

120. **Tôi đã thấy gì ở miền tự do nước Việt Nam: Những vị trong chính phủ Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói gì với tôi /Lê-ô-Phi-ghe.-H.: Sự thật, 1950.-58tr.;19cm.**

32(V) / 4345-46

Bài nói chuyện của ông Lê-Ô-Phi-Ghe, cựu nghị sĩ, chủ nhiệm báo “Tiền phong” sau chuyến thăm Việt Nam về, ở buổi họp báo chí do Hội Pháp-Việt triệu tập tại Khách sạn Luy-tê-xy-a 13-7-1950. Ông là người Pháp đầu tiên từ ngày 19 tháng Chạp năm 1946 đã có dịp qua miền tự do nước Việt Nam trong nhiều tháng và được gần gũi các nhà lãnh đạo Chính phủ Dân chủ Cộng hòa, kể cả Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong hai tháng ở Việt Nam, ông đã được đi thăm hàng chục thị trấn, tiếp xúc với nhiều giới rất khác nhau trong nhân dân, trên những nẻo đường hàng trăm cây số, lúc đi xe, lúc đi bộ, lúc đi ngựa. Chính vì thế, bài nói chuyện của ông đề cập một cách chân thực đến tình hình kinh tế, văn hóa, chính trị và quân sự ở những vùng tự do của Việt Nam năm 1946, những triển vọng theo sự nhận định của các nhà lãnh đạo Việt Nam và những kết luận của riêng cá nhân ông.

121. **Tôn Đức Thắng - Một con người bình thường, vĩ đại.-H.: Chính trị quốc gia, 2013.-767tr.;24cm.**

3KV1(092) / V 13760 - 61

Đồng chí Tôn Đức Thắng là người có đóng góp lớn trong xây dựng, củng cố và lãnh đạo Nhà nước. Là đại biểu Quốc hội liên tục từ khóa I (1-1946), Phó Trưởng ban thường trực Quốc hội trong suốt những năm kháng chiến và từ năm 1955 là Trưởng ban thường trực Quốc hội và giữ nhiều cương vị khác quan trọng của Đảng. Cuốn sách tập hợp phần lớn các bài viết của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các bậc lão thành cách mạng, các bạn chiến đấu, các cộng sự, những người thân trong gia đình, các cán bộ phục vụ và bảo vệ đồng chí Tôn Đức Thắng lúc hoạt động bí mật cũng như công khai. Đây cũng là những nhân chứng lịch sử đã dành những tình cảm sâu sắc và chân thành đối với đồng chí Tôn Đức Thắng. Bên cạnh đó, còn có cả những bài viết của các nhà nghiên cứu, các nhà văn hóa và các nhà hoạt động thực tiễn.

122. **Tổng Bí thư Trường Chinh - Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng. -H.: Chính trị - Hành chính, 2013.-325tr.;27cm**

3KV1(092) / V 13326 - 27

Sách gồm 10 phần khắc họa chân dung 81 tuổi đời (1907-1988), 63 năm liên tục hoạt động cách mạng kiên cường, đồng chí Trường Chinh trọn đời cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tên tuổi và sự nghiệp của đồng chí mãi được ghi vào lịch sử vẻ vang của Đảng và của dân tộc, cùng với những sự kiện trọng đại của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX. Hoạt động trong phong trào yêu nước và là đảng viên thời dựng Đảng, đồng chí Trường Chinh đã đảm nhiệm nhiều trọng trách cao quý của Đảng và Nhà nước, trong đó nhiều năm đồng chí là người đứng đầu Quốc hội từ Quốc hội khóa II đến Quốc hội khóa VI. Cuốn sách là những ghi nhận công lao của đồng chí Trường Chinh, giúp các thế hệ người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ thêm hiểu và noi gương các bậc cách mạng tiền bối.

123. **Tổng tập văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.**-H.: *Tư pháp*,2006.-982tr.;27cm.

34(V)042.1 / V 8666

Giới thiệu một cách tổng thể về thành tựu xây dựng pháp luật của Quốc hội nước ta trong 60 năm qua. Gồm 5 tập:

Tập I – Từ Quốc hội khóa I đến Quốc hội khóa VII. Xuất bản năm 2005.- Kí hiệu kho: V 8666;

Tập II – Quốc hội khóa VIII. Xuất bản năm 2006.- Kí hiệu kho: V 8667

Tập III – Quốc hội khóa IX. Xuất bản năm 2006.- Kí hiệu kho: V 8668

Tập IV – Quốc hội khóa X. Xuất bản năm 2006.- Kí hiệu kho: V 8669

Tập V – Quốc hội khóa XI. Xuất bản năm 2006.- Kí hiệu kho: V 8670

Mỗi tập sách có bốn phần. Phần thứ nhất: Các Luật của Quốc hội; Phần thứ hai: Các Nghị quyết có chứa quy phạm pháp luật của Quốc hội; Phần thứ ba: Các Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Ban thường trực Quốc hội, Hội đồng Nhà nước); Phần thứ tư: Các Nghị quyết có chứa quy phạm pháp luật của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Ban thường trực Quốc hội, Hội đồng Nhà nước). Riêng Tập V cập nhật, bổ sung các văn bản được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI ban hành từ tháng 11 năm 2005 đến hết nhiệm kỳ.

Tổng tập sách được sắp xếp theo tiêu chí sau đây: Cơ quan ban hành văn bản; Hình thức văn bản; Số của văn bản; Ngày tháng năm ban hành, từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

124. **Tuyên ngôn độc lập năm 1945 và các Hiến pháp Việt Nam (1946, 1959, 1980, 1992).**-H.: *Chính trị quốc gia*, 2005.-255tr.;21cm.

34(V) / 58089 - 90

Nội dung cuốn sách gồm:

Bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, một nhà nước kiểu mới, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc. Hiến pháp đầu tiên năm 1946 - đặt nền móng cho việc xây dựng Nhà nước Dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, đánh đổ chế độ thực dân cũ, vừa kháng chiến vừa kiến quốc. Hiến pháp năm 1959 - Hiến pháp của thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tiến hành đấu

tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam, làm thất bại chủ nghĩa thực dân mới. Hiến pháp năm 1980 - Hiến pháp của kỷ nguyên thống nhất đất nước, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, đấu tranh bảo vệ toàn vẹn biên giới lãnh thổ đất nước. Hiến pháp năm 1992 - Hiến pháp của thời kỳ đổi mới đất nước, hướng tới xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

125. **Văn bản về bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.**-*H.:Chính trị quốc gia,2011.-438tr.;21cm*

34(V)041 / 69899, 69900

Nội dung cuốn sách tập hợp những văn bản chủ yếu của Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc về bầu cử Quốc hội khóa XIII và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016.

126. **Văn kiện Quốc hội toàn tập.**-*H.:Chính trị quốc gia,2006.-1567tr.;24cm*

34(V)042.1 / V 12047

Văn kiện Quốc hội Toàn tập. Tập I gồm các văn kiện chủ yếu của Quốc dân Đại hội Tân Trào (diễn ra trong hai ngày 16, 17 tháng 8 năm 1945) và Quốc hội khóa I (1946-1960) và một số văn kiện khác của Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, có nội dung liên quan, thể hiện đường lối, chủ trương sáng suốt của Đảng ta và của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhằm tập hợp, đoàn kết toàn dân, đứng lên theo tiếng gọi cứu nước của Mặt trận Việt Minh, sẵn sàng chớp thời cơ, tiến hành Tổng khởi nghĩa, giành độc lập, tự do, thiết lập chính thể dân chủ, cộng hòa cho đất nước.

127. **Văn kiện Quốc hội toàn tập.**-*H.:Chính trị quốc gia,2007.-1723tr.;24cm*

34(V)042.1 / V 12048

Văn kiện Quốc hội toàn tập. Tập II bao gồm các văn kiện của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và một số báo cáo của Chính phủ trình tại các kỳ họp của Quốc hội khóa II (1960-1964).

128. **Văn kiện Quốc hội toàn tập.**-*H.:Chính trị quốc gia,2007.-1375tr.;24cm*

34(V)042.1 / V 12049

Văn kiện Quốc hội toàn tập. Tập III bao gồm các văn kiện của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và một số báo cáo của Chính phủ trình tại các kỳ họp của Quốc hội khóa III (1964-1971).

129. **Văn kiện Quốc hội toàn tập.**-*H.:Chính trị quốc gia,2008.-1382tr.;24cm*

34(V)042.1 / V 10896

Văn kiện Quốc hội toàn tập. Tập IV bao gồm các văn kiện của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và một số báo cáo của Chính phủ trình tại các kỳ họp của Quốc hội khóa IV (1971-1975), khóa V (1975-1976)

130. **Văn kiện Quốc hội toàn tập.**-*H.:Chính trị quốc gia,2009.-1542tr.;24cm*

34(V)042.1 / V 12050

Văn kiện Quốc hội toàn tập. Tập V bao gồm các văn kiện của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và một số báo cáo của Chính phủ trình tại các kỳ họp của Quốc hội khóa VI (1976-1981); bản Danh mục các tham luận của đại biểu Quốc hội

131. **Văn kiện Quốc hội toàn tập.-H.:Chính trị quốc gia,2010.-1402tr.;24cm**
34(V)042.1 / V 12051
 Văn kiện Quốc hội toàn tập. Tập VI bao gồm các văn kiện của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và một số báo cáo của Chính phủ trình tại các kỳ họp của Quốc hội khóa VII (1984-1987). Tập VI gồm hai quyển (quyển 1 và quyển 2).
132. **Văn kiện Quốc hội toàn tập.-H.:Chính trị quốc gia,2010.-1480tr.;24cm**
34(V)042.1 / V 12053
 Văn kiện Quốc hội toàn tập. Tập VII bao gồm các văn kiện của Quốc hội, Hội đồng Nhà nước và một số báo cáo chính Hội đồng Bộ trưởng trình tại 11 kỳ họp của Quốc hội khóa VIII (1987-1992). Tập VII gồm ba quyển (quyển 1, quyển 2, quyển 3)
133. **Về Nhà nước, nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa: Hiến pháp, các đạo luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định về tổ chức cơ quan nhà nước, các cấp, các ngành ban hành từ 1-1-1960 đến 10-11-1962 .-H.:Sự thật,1963.-298tr.;19cm**
34(V)/ 9185 - 86
 Gồm: Hiến pháp, các đạo luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định về tổ chức cơ quan Nhà nước các cấp, ban hành từ ngày 1-1-1960 đến 10-11-1962.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 60 năm Quốc hội Việt Nam (1946-2006), Nhà xuất bản Thông tấn, 2006
2. 60 năm Quốc hội Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2005
3. Hồ Chí Minh toàn tập, Chính trị quốc gia, 2002
4. Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946 – 1960; 1960 – 1976, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2000.
5. Một số nét về Quốc hội Việt Nam/Vũ Như Giới.- H.: Phổ thông, 1976
6. <http://quochoi.vn/>
7. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc (các khóa), Sự thật